

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC LÂM NGHIỆP
KHOA KINH TẾ VÀ QUẢN TRỊ KINH DOANH**



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

**CÔNG TÁC XÃ HỘI TRONG PHÒNG CHỐNG XÂM
HẠI TÌNH DỤC TRẺ EM TẠI TRƯỜNG TIỂU HỌC VÀ
TRUNG HỌC CƠ SỞ ĐỨC XUÂN**

NGÀNH: CÔNG TÁC XÃ HỘI

MÃ SỐ: 7760101

Giáo viên hướng dẫn: ThS. Nguyễn Thị Kiều Trang

Sinh viên thực hiện : Đinh Vĩnh Hòa

Mã sinh viên : 1654060740

Lớp : K61-CTXH

Khóa : 2016 - 2020

Hà Nội, 2020

i

LỜI CẢM ƠN

Tác giả khóa luận xin bày tỏ sự biết ơn chân thành đến Trung tâm công tác xã hội – Trường Đại học Lâm Nghiệp, nơi đã luôn tạo điều kiện cho tôi trong suốt quá trình học tập cũng như thời gian thực hiện khóa luận.

Đặc biệt biết ơn sâu sắc tới cô Nguyễn Thị Kiều Trang đã dành nhiều thời gian, công sức hướng dẫn và giúp đỡ để tôi hoàn thành khóa luận này.

Đồng thời, tôi trân trọng cảm ơn lãnh đạo, giáo viên và các em học sinh trường Tiểu học và Trung học cơ sở Đức Xuân đã tạo điều kiện, hợp tác và giúp đỡ tôi trong quá trình tìm hiểu và nghiên cứu tại trường.

Mặc dù đã cố gắng để hoàn thiện khóa luận, tuy nhiên do còn thiếu kinh nghiệm nên không thể tránh khỏi những thiếu sót, rất mong nhận được sự đóng góp của các thầy cô.

Xin chân thành cảm ơn!

Hà Nội, ngày 11 tháng 5 năm 2020

Sinh Viên

Đinh Vĩnh Hào



MỤC LỤC

LỜI CẢM ƠN	i
MỤC LỤC	ii
DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT	iv
DANH MỤC BẢNG	v
PHẦN MỞ ĐẦU	1
Chương 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ VẤN ĐỀ PHÒNG CHỐNG XÂM HẠI TÌNH DỤC TRẺ EM TẠI TRƯỜNG TIỂU HỌC VÀ TRUNG HỌC CƠ SỞ ĐỨC XUÂN	5
Chương 1 CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ VẤN ĐỀ PHÒNG CHỐNG XÂM HẠI TÌNH DỤC TRẺ EM TẠI TRƯỜNG TIỂU HỌC VÀ TRUNG HỌC CƠ SỞ ĐỨC XUÂN	6
1.1. Cơ sở lý luận của nghiên cứu	6
1.1.1. Các khái niệm quan trọng được sử dụng trong đề tài	6
1.1.2. Các hành vi xâm hại tình dục trẻ em và các mức án cho người thực hiện hành vi xâm hại tình dục trẻ em	8
1.1.3. Các biểu hiện của trẻ em bị xâm hại	12
1.1.4. Một số lý thuyết ứng dụng trong nghiên cứu	14
1.2. Tổng quan về tình hình nghiên cứu	21
CHƯƠNG 2 THỰC TRẠNG VỀ KIẾN THỨC VÀ KỸ NĂNG PHÒNG CHỐNG XÂM HẠI TÌNH DỤC TRẺ EM CỦA HỌC SINH TRƯỜNG TIỂU HỌC VÀ TRUNG HỌC CƠ SỞ ĐỨC XUÂN	23
2.1. Đặc điểm địa bàn nghiên cứu	23
2.1.1. Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Đức Xuân	23
2.2. Thực trạng về công tác xã hội tại trường Tiểu học và Trung học cơ sở Đức Xuân	23
2.3. Thực trạng nhận thức về phòng chống xâm hại tình dục trẻ em của học sinh	

Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Đức Xuân

24

i

2.3.1. Nhận thức của học sinh về xâm hại tình dục trẻ em	24
2.3.2. Những ưu điểm và hạn chế về mặt nhận thức của học sinh Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Đức Xuân về vấn đề xâm hại tình dục trẻ em.	35
2.3.3. Nguyên nhân	35
2.4. Thực trạng về kỹ năng của học sinh về phòng chống xâm hại tình dục trẻ em tại Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Đức Xuân.	39
2.4.1. Kỹ năng	39
2.4.2. Nhận xét về kỹ năng của học sinh Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Đức Xuân về phòng chống xâm hại tình dục trẻ em	43
2.4.3. Nguyên nhân	43
Chương 3 GIẢI PHÁP TRONG VIỆC NÂNG CAO NHẬN THỨC VÀ KỸ NĂNG CỦA HỌC SINH VỀ PHÒNG CHỐNG XÂM HẠI TÌNH DỤC TRẺ EM TẠI TRƯỜNG TIỂU HỌC VÀ TRUNG HỌC CƠ SỞ ĐỨC XUÂN	46
3.1. Thực hiện các hoạt động tuyên truyền về vấn đề xâm hại tình dục trẻ em	46
3.1.1. Học sinh	46
3.1.2. Gia đình	47
3.1.3. Nhà trường	47
3.2. Lồng ghép những kiến thức và kỹ năng về xâm hại tình dục trẻ em vào các môn học chính khóa	48
3.3. Tổ chức các cuộc thi về chủ đề xâm hại tình dục trẻ em thông qua các hình thức khác nhau	49
3.4. Thành lập câu lạc bộ tại trường về nội dung phòng chống xâm hại tình dục	50
3.5. Mở các lớp học vỡ, câu lạc bộ vỡ tại địa phương	50
3.6. Xây dựng phòng công tác xã hội	51
KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ	57
KẾT LUẬN	57

KHUYẾN NGHỊ

59

TÀI LIỆU THAM KHẢO

i

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

TỪ VIẾT TẮT	DIỄN GIẢI
AIDS	Hội chứng suy giảm miễn dịch ở người
CRC	Công ước quyền trẻ em
HIV	Vi rút gây suy giảm miễn dịch người
NASW	Liên hiệp Công tác xã hội thế giới
NXB	Nhà xuất bản
SPSS	Phần mềm thống kê xã hội
THCS	Trung học cơ sở
UNICEF	Quỹ nhi đồng liên hiệp quốc



DANH MỤC BẢNG

Bảng 2.1. Nhận thức của học sinh về các hành vi xâm hại tình dục trẻ em.	25
Bảng 2.2. Nhận thức của học sinh về các bộ phận riêng tọt trên cơ thể.	27
Bảng 2.3. Nhận thức của học sinh về các lứa tuổi có thể bị xâm hại tình dục	29
Bảng 2.4. Nhận thức của học sinh về đối tượng có thể bị xâm hại tình dục	31
Bảng 2.5. Nhận thức của học sinh về những đối tượng thực hiện hành vi xâm hại	33
Bảng 2.6. Mức độ quan tâm về vấn đề xâm hại tình dục trẻ em	35
Bảng 2.7. Khảo sát việc thầy cô giáo có hướng dẫn các kiến thức về xâm hại tình dục	36
Bảng 2.8. Các buổi ngoại khóa với chủ đề xâm hại tình dục trẻ em tại Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Đức Xuân.	36
Bảng 2.9. Khảo sát về việc học sinh sẽ làm gì khi bị người khác động vào bộ phận riêng tọt.	39
Bảng 2.10. Khảo sát về việc học sinh sẽ làm gì nếu người lạ đón về nhà	40
Bảng 2.11. Khảo sát về việc học sinh có người khác chụp lại các bộ phận riêng tọt	41
Bảng 2.12. Khảo sát về việc học sinh có được động vào các bộ phận riêng tọt của người khác	42
Bảng 3.1. Khảo sát về các môn học có nội dung liên quan đến xâm hại tình dục trẻ em	48
Bảng 3.2. Khảo sát về mong muốn của học sinh để nâng cao kỹ năng phòng chống xâm hại tình dục trẻ em	51

v

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Việt Nam là quốc gia có truyền thống tre già măng mọc. Trẻ em là thế hệ kế tiếp, có vai trò quan trọng đối với sự nghiệp phát triển của đất nước. Để có một đất nước phát triển toàn diện thì cần những thế hệ trẻ có đầy đủ các kiến thức, kỹ năng, tay nghề và có chuyên môn cao trong công việc. Tuy vậy để có được những thế hệ thanh niên oai tú, trước hết từ khi còn nhỏ cần có sự quan tâm, chăm sóc cần thiết của gia đình và xã hội về các nhu cầu thiết yếu như nhu cầu được sống, được chăm sóc và được bảo vệ.

Trên thế giới, Công ước về Quyền trẻ em (CRC) được ban hành ngày 20/11/1989, mang những ý nghĩa sâu sắc rằng trẻ em không chỉ là một con người bé nhỏ thuộc về cha mẹ hoặc thuộc về người lớn trong quá trình trưởng thành. Hơn hết, các em là con người, là cá nhân với những quyền của riêng mình. Công ước quy định tuổi thơ là thời kỳ đặc biệt, khác với giai đoạn trưởng thành của con người và giai đoạn này kéo dài đến 18 tuổi. Trong thời kỳ đặc biệt này, trẻ em cần được bảo vệ, được chăm sóc để lớn lên, được học tập, vui chơi để phát triển hết tiềm năng của mình. Công ước yêu cầu phải đảm bảo cho tất cả trẻ em không bị phân biệt đối xử dưới bất kỳ dưới hình thức nào. Được hưởng các dịch vụ xã hội, được bảo vệ, được lớn lên trong môi trường an toàn, vệ sinh, hỗ trợ, chăm sóc và lắng nghe, cũng như tham gia vào các hoạt động xã hội.

Việt Nam là quốc gia đầu tiên tại Châu Á, và là quốc gia thứ hai trên thế giới phê chuẩn công ước quyền trẻ em (CRC) vào ngày 20 tháng 2 năm 1990. Trong đó có các đạo luật liên quan đến quyền trẻ em như: Luật lao động, luật dân sự, luật hình sự, luật bảo vệ và phòng chống bạo lực trẻ em... Theo đó thì trẻ em được coi là những công dân đặc biệt, được nhà nước và xã hội chăm sóc, tạo môi trường để phát triển về thể chất, trí tuệ và đạo đức.

Tuy nhiên hiện nay, tình trạng lạm dụng trẻ em nói chung và xâm hại tình dục trẻ em nói riêng đang tồn tại nhiều hạn chế, gây bức xúc với dư luận trong thời gian dài. Sự việc xảy ra tại nhiều địa phương trên cả nước, gây hậu quả đối với các đối tượng liên quan, bao gồm: Nạn nhân của hành vi xâm hại tình dục, người xâm hại, gia đình của người xâm hại, gia đình của người bị xâm hại.

Trong đó người chịu hậu quả nặng nhất chính là trẻ em, một trong số nhóm đối tượng bị xâm hại. Theo báo bảo vệ pháp luật: Trong phiên họp với Đoàn công tác số 1 của Đoàn Giám sát Quốc hội về “Việc thực hiện chính sách, pháp luật về phòng, chống xâm hại trẻ em”, Phó Cục trưởng Cục Trẻ em, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, bà Vũ Thị Kim Hoa cho biết: Tính 4 năm (2015 - 2018) và 6 tháng đầu năm 2019, toàn quốc xảy ra 7829 vụ xâm hại trẻ em, với 7767 trẻ em bị xâm hại. Tại Hà Nội, từ năm 2015 đến hết tháng 6/2019 có 365 vụ xâm hại trẻ em với 313 trẻ em bị xâm hại, trong đó, xâm hại tình dục 199 vụ (chiếm 54,5%) với 220 trẻ.

Những hậu quả mà xâm hại tình dục trẻ em gây ảnh hưởng đến thể chất và tinh thần. Trẻ có tâm lý lo lắng, hoang mang, ám ảnh, luôn sợ hãi, đề phòng những người xung quanh mình, nhiều em có những hành động nhụt tự hành hạ, tự làm bị thương bản thân, hoặc nguy hiểm nhất các em có thể tự tử. Một số em khác lại học tập theo và có những hành động xâm hại những trẻ em khác, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đối với xã hội.

Theo công an Cao Bằng, trong 6 tháng đầu năm 2017 có 256 vụ phạm pháp hình sự xảy ra trên địa bàn tỉnh 6 tháng đầu năm, có 8 vụ hiếp dâm, trong đó 6 vụ hiếp dâm trẻ em, xảy ra ở các huyện: Hạ Lang, Bảo Lạc, Trà Lĩnh, Trùng Khánh và Thành phố Cao Bằng.

Xã Đức Xuân mà một xã miền núi của huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng, đời sống của người dân còn khó khăn, dẫn đến nhận thức của người dân về vấn đề lạm dụng trẻ em nói chung và xâm hại tình dục trẻ em nói riêng còn chưa tốt.

Công tác xã hội là một ngành khoa học với mục đích giúp đỡ những đối tượng yếu thế trong xã hội, để bản thân họ có thể tự vượt qua những vấn đề của chính mình, trẻ em là một trong số những đối tượng yếu thế và cần được bảo vệ một cách đầy đủ nhất. Chính vì vậy tác giả lựa chọn đề tài **“Công tác xã hội trong phòng chống xâm hại tình dục trẻ em tại Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Đức Xuân)”**. Thông qua quá trình nghiên cứu, có thể trang bị thêm cho học sinh kiến thức và kỹ năng phòng chống để các em có thể tự bảo vệ chính

bản thân mình khỏi những nguy cơ trở thành nạn nhân của các hành vi xâm hại tình dục.

2. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của nghiên cứu

2.1. Ý nghĩa lý luận của nghiên cứu

Đây là công trình nghiên cứu khoa học về Công tác xã hội trong phòng chống xâm hại tình dục trẻ em tại Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Đức Xuân. Kết quả nghiên cứu góp phần bổ sung, hoàn thiện những vấn đề lý luận về nguyên nhân, thực trạng nhận thức và kỹ năng của học sinh đối với đề xâm hại tình dục trẻ em từ đó đưa ra những phương pháp giải quyết phù hợp với tình hình thực tiễn tại trường.

2.2. Ý nghĩa thực tiễn của nghiên cứu

Đưa ra một số biện pháp, giúp các em học sinh có thể nâng cao nhận thức và kỹ năng trong phòng chống xâm hại tình dục trẻ em.

Đề tài giúp cho phụ huynh học sinh và nhà trường biết được một cách chân thực và khách quan về mức độ hiểu biết của học sinh về xâm hại tình dục trẻ em, từ đó có được những giải pháp để dạy dỗ, nâng cao kiến thức của con, em mình.

Đối với sinh viên, sau khi nghiên cứu giúp sinh viên mở rộng kiến thức và kỹ năng về nghiên cứu khoa học và về vấn đề xâm hại tình dục trẻ em.

3. Mục tiêu nghiên cứu

3.1. Mục tiêu tổng quát

Khảo sát thực trạng về nhận thức và kỹ năng phòng chống xâm hại tình dục trẻ em tại Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Đức Xuân, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng. Từ đó đưa ra vai trò của công tác xã hội đối với việc nâng cao nhận thức và trang bị kỹ năng của học sinh về phòng chống xâm hại tình dục trẻ em.

3.2. Mục tiêu cụ thể

Hệ thống hóa những vấn đề cơ bản dựa trên cơ sở lý luận có sẵn của việc phòng chống xâm hại tình dục trẻ em.

Trực tiếp nghiên cứu, tìm hiểu thông tin, đọạ ra số liệu về thực trạng phòng chống xâm hại tình dục trẻ em tại Trọờng Tiểu học và Trung học cơ sở Đức Xuân, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng.

Đọạ ra giải pháp của công tác xã hội về nâng cao nhận thức và kỹ năng

trong phòng chống xâm hại tình dục trẻ em đối với học sinh tại Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Đức Xuân, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng.

4. Nội dung nghiên cứu

Điều tra về nhận thức và các kỹ năng hiện có của học sinh về phòng chống xâm hại tình dục tại Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Đức Xuân.

Tìm giải pháp để nâng cao kiến thức và trang bị kỹ năng phòng chống xâm hại tình dục trẻ em tại Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Đức Xuân.

5. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

5.1. Đối tượng nghiên cứu

Cộng tác xã hội với vấn đề phòng chống xâm hại tình dục trẻ em tại huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng.

5.2. Khách thể nghiên cứu

Học sinh Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Đức Xuân, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng.

5.3. Phạm vi nghiên cứu

Phạm vi không gian: Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Đức Xuân, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng

Phạm vi thời gian: Từ ngày 10 tháng 2 năm 2020 đến ngày 03 tháng 5 năm 2020.

6. Phương pháp nghiên cứu

Đề tài nghiên cứu sử dụng kết hợp nhiều phương pháp khác nhau bao gồm:

6.1. Phương pháp nghiên cứu tài liệu:

Phương pháp này sử dụng những tài liệu có sẵn, liên quan đến nội dung nghiên cứu nhằm xây dựng cơ sở lý luận, khung nghiên cứu, góp phần bổ sung làm rõ những nội dung nghiên cứu của đề tài.

Phân tích các văn bản chính sách, chủ trương của Đảng và Nhà nước về phòng chống xâm hại tình dục trẻ em.

Các báo cáo tổng kết, hội thảo, hội nghị về vấn đề liên quan đến đề tài.

6.2 Phương pháp phỏng vấn sâu

Đây là phương pháp định tính, tiến hành phỏng vấn sâu 20 khách thể là học sinh tại Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Đức Xuân bao gồm 10 học sinh nữ và 10 học sinh nam từ lớp 1 đến lớp 5 với nội dung là: Những nhận thức và các kỹ năng của học sinh về xâm hại tình dục trẻ em, để biết được những suy nghĩ, nhận thức và kỹ năng mà các em đang có. Từ đó có thể đưa ra số liệu cụ thể về vấn đề nghiên cứu.

Tên của người phỏng vấn sẽ được mã hóa để bảo vệ tính bảo mật thông tin.

6.3. Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi

Trong quá trình thực hiện đề tài, sử dụng bảng hỏi để tìm hiểu thông tin, ý kiến của của học sinh đối với việc phòng chống xâm hại tình dục trẻ em, thông qua các câu hỏi trắc nghiệm và câu hỏi mở liên quan đến những hiểu biết về xâm hại tình dục trẻ em để từ đó có được các số liệu về thực trạng hiểu biết của học sinh.

Nghiên cứu sử dụng phương pháp điều tra khảo sát bằng bảng hỏi với cỡ mẫu 62 mẫu, nghiên cứu đối với học sinh từ lớp 6 đến lớp 9 Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Đức Xuân, huyện thạch An, tỉnh Cao Bằng.

6.4. Phương pháp xử lý số liệu

Sử dụng phần mềm SPSS để xử lý thông tin thu thập được từ cuộc khảo sát, để từ đó có được kết quả chính xác về sự hiểu biết của học sinh về phòng chống xâm hại tình dục trẻ em.

7. Kết cấu của khóa luận

Chương 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ VẤN ĐỀ PHÒNG CHỐNG XÂM HẠI TÌNH DỤC TRẺ EM TẠI TRƯỜNG TIỂU HỌC VÀ TRUNG HỌC CƠ SỞ ĐỨC XUÂN

Chương 2. THỰC TRẠNG VỀ NHẬN THỨC VÀ KỸ NĂNG CỦA HỌC SINH VỀ VẤN ĐỀ PHÒNG CHỐNG XÂM HẠI TÌNH DỤC TRẺ EM TẠI TRƯỜNG TIỂU HỌC VÀ TRUNG HỌC CƠ SỞ ĐỨC XUÂN

Chương 3. GIẢI PHÁP ĐỂ NÂNG CAO NHẬN THỨC VÀ KỸ NĂNG CỦA HỌC SINH VỀ PHÒNG CHỐNG XÂM HẠI TÌNH DỤC TRẺ EM TẠI TRƯỜNG TIỂU HỌC VÀ TRUNG HỌC CƠ SỞ ĐỨC XUÂN

Chương 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ VẤN ĐỀ PHÒNG CHỐNG XÂM HẠI TÌNH DỤC TRẺ EM TẠI TRƯỜNG TIỂU HỌC VÀ TRUNG HỌC CƠ SỞ ĐỨC

XUÂN 1.1. Cơ sở lý luận của nghiên cứu

1.1.1. Các khái niệm quan trọng được sử dụng trong đề tài

1.1.1.1. Công tác xã hội

Con người từng trải qua nhiều thời kì phát triển khác nhau: Từ thời kì đồ đá, chủ yếu ăn lông ở lỗ, mức sống ở mức rất thấp, phương tiện lao động thô sơ, sử dụng đá, xương động vật để hỗ trợ lao động. Cho đến hiện nay là thời kì 4.0, sử dụng công nghệ, trí óc nhân tạo, máy móc, rô bốt vào công việc. Đời sống của con người được nâng cao về cả mặt kinh tế lẫn mặt tinh thần, mức sống cao hơn. Tuy nhiên vẫn còn nhiều người có cuộc sống khó khăn, trở thành người yếu thế trong xã hội. Chính vì thế, mà ngành công tác xã hội ra đời, tùy vào từng giai đoạn và những điều kiện cụ thể như kinh tế, văn hóa, xã hội, nên mỗi quốc gia, mỗi khu vực trên thế giới nên công tác xã hội lại có những đặc điểm riêng biệt, và khái niệm khác nhau.

Theo từ điển Bách khoa ngành công tác xã hội (1995): “Công tác xã hội là một khoa học ứng dụng nhằm tăng cường hiệu quả hoạt động của con người, tạo ra những chuyển biến xã hội và đem lại nền an sinh cho người dân trong xã hội”. (tr.42)

Theo Liên hiệp Công tác xã hội thế giới (NASW): “Công tác xã hội là hoạt động chuyên môn nhằm giúp con người đáp ứng các nhu cầu nảy sinh trong cuộc sống, trong quá trình tương tác giữa cá nhân và môi trường, giúp con người phát huy hết tiềm năng của họ”. (tr.38)

Đại hội của Liên đoàn chuyên nghiệp xã hội quốc tế tổ chức tại Montreal (Canada) vào tháng 7 năm 2004, đã đưa ra một định nghĩa mới về công tác xã

hội nghị sau: “Công tác xã hội chuyên nghiệp thúc đẩy sự thay đổi xã hội, giải quyết các vấn đề trong các mối quan hệ con người và sự tăng quyền lực, giải

phóng nguyện dân nhằm giúp cho cuộc sống của họ ngày càng tốt đẹp. Vận dụng lý thuyết về hành vi con người và hệ thống xã hội can thiệp sự tương tác giữa con người và môi trường của họ. Nhân quyền và công bằng xã hội là các nguyên tắc căn bản của nghề công tác xã hội”.

Tác giả Nguyễn Thị Oanh cho rằng: “Công tác xã hội là hoạt động thực tiễn mang tính tổng hợp cao, được thực hiện theo các nguyên tắc và phương pháp chuyên môn, nhằm hỗ trợ cá nhân, nhóm và cộng đồng giải quyết các vấn đề xã hội của họ. Công tác xã hội theo đuổi mục tiêu vì hạnh phúc của con người và tiên bộ xã hội”.

Từ những quan niệm, định nghĩa trên có thể đi đến khái niệm về công tác xã hội như sau: Tác giả Bùi Thị Xuân Mai trong cuốn giáo trình Nhập môn công tác xã hội định nghĩa: Công tác xã hội là một nghề, một hoạt động chuyên nghiệp nhằm trợ giúp các cá nhân, gia đình và cộng đồng nâng cao năng lực đáp ứng nhu cầu và tăng cường chức năng xã hội, đồng thời thúc đẩy môi trường xã hội về chính sách, nguồn lực và dịch vụ nhằm giúp cá nhân, gia đình và cộng đồng giải quyết và phòng ngừa các vấn đề xã hội, góp phần đảm bảo an sinh xã hội. (tr.47)

1.1.1.2. Phòng

Theo từ điển tiếng Việt: “Phòng” là liệu để có biện pháp tránh, ngăn ngừa hoặc làm thời đôi phó với việc không hay có thể xảy ra. (Hoàng Phê 2003, *Từ điển tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng, tr.783)

Với nghiên cứu này: Phòng xâm hại tình dục trẻ em là có các biện pháp tránh, ngăn ngừa để việc xâm hại tình dục trẻ em không xảy ra.

1.1.1.3. Chống

Theo từ điển tiếng Việt: “Chống” là hoạt động ngược lại, gây trở lực cho hành động của ai hoặc cho tác động của cái gì. (Hoàng Phê 2003, *Từ điển tiếng Việt*, tr.120)

Với nghiên cứu này, chống xâm hại tình dục trẻ em là chống lại các hành

vi xâm hại tình dục trẻ em bằng nhiều các hoạt động, các cách khác nhau.

1.1.1.4. Xâm hại tình dục trẻ em

Theo pháp luật Việt Nam: Tại khoản 8 điều 4 luật trẻ em 2016: Xâm hại tình dục trẻ em là việc dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực, ép buộc, lôi kéo, dụ dỗ trẻ em tham gia vào các hành vi liên quan đến tình dục, bao gồm hiếp dâm, cưỡng dâm, giao cấu, dâm ô với trẻ em và sử dụng trẻ em vào mục đích mại dâm, khiêu dâm dưới mọi hình thức.

1.1.1.5. Trẻ em

Theo pháp luật quốc tế: Trẻ em là những người dưới 18 tuổi (Điều 1 Công ước quốc tế về quyền trẻ em).

Theo pháp luật Việt Nam: Tại điều 1 của luật trẻ em: Trẻ em là người dưới 16 tuổi.

Nhạy vậy tùy vào từng quốc gia và từng khu vực, khái niệm trẻ em có sự khác nhau về độ tuổi. Tuy nhiên ở những độ tuổi này, về mặt sinh học, trẻ em còn non nớt, cơ thể chưa phát triển đầy đủ và hoàn thiện, thiếu kiến thức về xã hội, nhận thức còn hạn hẹp.

Trẻ em là đối tượng yếu thế trong xã hội, cần được bảo vệ một cách đầy đủ về nhiều mặt sức khỏe, tinh thần.

1.1.2. Các hành vi xâm hại tình dục trẻ em và các mức án cho người thực hiện hành vi xâm hại tình dục trẻ em

Các hành vi sau đây bị coi là hành vi xâm hại tình dục trẻ em:

1.1.2.1. Hiếp dâm người dưới 16 tuổi:

1. Dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc lợi dụng tình trạng không thể tự vệ được của nạn nhân hoặc thủ đoạn khác để giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi trái với ý muốn của họ thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm:

- a) Có tính chất loạn luân;
- b) Làm nạn nhân có thai;

c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%;

d) Gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân từ 11% đến 45%;

đ) Đối với người mà người phạm tội có trách nhiệm chăm sóc, giáo dục, chữa bệnh;

e) Phạm tội 02 lần trở lên;

g) Đối với 02 người trở lên;

h) Tái phạm nguy hiểm.

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình:

a) Có tổ chức;

b) Nhiều người hiếp một người;

c) Phạm tội đối với người dưới 10 tuổi;

d) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;

đ) Gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân 46% trở lên;

e) Biết mình bị nhiễm HIV mà vẫn phạm tội;

g) Làm nạn nhân chết hoặc tự sát.

4. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm. (khoản 1, 2, 3, 4, điều 143, bộ luật hình sự năm 2015).

1.1.2.2. cưỡng dâm người từ 13 đến dưới 16 tuổi

1. Dùng mọi thủ đoạn khiến người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi đang ở trong tình trạng lệ thuộc mình hoặc trong tình trạng quần bách phải miễn cưỡng giao cấu hoặc miễn cưỡng thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

a) Có tính chất loạn luân;

- b) Làm nạn nhân có thai;
- c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%;
- d) Gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân từ 11% đến 45%; đ) Phạm tội 02 lần trở lên;
- e) Đối với 02 người trở lên;
- g) Tái phạm nguy hiểm.

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân:

- a) Nhiều người cưỡng dâm một người;
- b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;
- c) Gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân 46% trở lên;
- d) Biết mình bị nhiễm HIV mà vẫn phạm tội;
- đ) Làm nạn nhân chết hoặc tự sát.

4. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm. (Khoản 1, 2, 3, 4, điều 144, bộ luật hình sự 2015)

1.1.2.3. Giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi:

1. Người nào đủ 18 tuổi trở lên mà giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 142 và Điều 144 của bộ luật này, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm:

- a) Phạm tội 02 lần trở lên;
- b) Đối với 02 người trở lên;
- c) Có tính chất loạn luân;

d) Làm nạn nhân có thai;

đ) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%;

e) Đối với người mà người phạm tội có trách nhiệm chăm sóc, giáo dục, chữa bệnh.

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

a) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;

b) Biết mình bị nhiễm HIV mà vẫn phạm tội.

4. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm. (Khoản 1, 2, 3, 4, điều 145, bộ luật hình sự 2015)

1.1.2.4. Hành vi dâm ô với người dưới 16 tuổi

1. Người nào đủ 18 tuổi trở lên mà có hành vi dâm ô đối với người dưới 16 tuổi không nhằm mục đích giao cấu hoặc không nhằm thực hiện các hành vi quan hệ tình dục khác 06 tháng đến 03 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:

a) Phạm tội có tổ chức;

b) Phạm tội 02 lần trở lên;

c) Đối với 02 người trở lên;

d) Đối với người mà người phạm tội có trách nhiệm chăm sóc, giáo dục, chữa bệnh;

đ) Gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân từ 11% đến

45%; e) Tái phạm nguy hiểm.

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 12 năm:

a) Gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân 46% trở lên;

b) Làm nạn nhân tự sát.

4. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm. (Khoản 1, 2, 3, 4, điều 146, bộ luật hình sự 2015)

1.1.2.5. Sử dụng người dưới 16 tuổi vào mục đích khiêu dâm

1. Người nào đủ 18 tuổi trở lên mà lôi kéo, dụ dỗ, ép buộc người dưới 16 tuổi trình diễn khiêu dâm hoặc trực tiếp chứng kiến việc trình diễn khiêu

dâm dưới mọi hình thức, thì bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm.

a) Phạm tội có tổ chức;

b) Phạm tội 02 lần trở lên;

c) Đối với 02 người trở lên;

d) Đối với người mà người phạm tội có trách nhiệm chăm sóc, giáo dục, chữa bệnh;

đ) Có mục đích thương mại;

e) Gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân từ 11% đến 45%; g) Tái phạm nguy hiểm.

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 12 năm:

a) Gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân 46% trở lên;

b) Làm nạn nhân tự sát.

4. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm. (Khoản 1, 2, 3, 4, điều 147, bộ luật hình sự 2015).

1.1.3. Các biểu hiện của trẻ em bị xâm hại

1.1.3.1. Dấu hiệu về pháp y

Các bậc phụ huynh cần biết rằng dù là bé trai hay bé gái thì khả năng bị xâm hại đều ngang nhau. Bởi vậy, cha mẹ cần hết sức quan tâm, chú ý đến con

cái mình. Đây là những dấu hiệu bên ngoài mà cha mẹ hoàn toàn có thể nhận biết được. Chú ý tới cơ thể con xem có những dấu hiệu bất thường như trên không, nếu có hãy xác định rõ nguyên nhân vì sao để tìm cách bảo vệ con:

Trầy da hoặc bầm tím ở âm hộ, dương vật, hậu môn, rách màng trinh: Nạn nhân lạm dụng tình dục có thể là các bé gái và cả các bé trai. Kiểm tra vùng kín để nhận biết những bất thường có thể quan sát bằng mắt là cách đơn giản nhất bố mẹ có thể làm đối với trẻ.

Trẻ có bất thường ở hậu môn trực tràng, hoặc mắt trong đui: Do quá trình trẻ bị tấn công và xâm hại.

Trẻ mắc các bệnh lây qua đường tình dục: Khi trẻ bị xâm hại, các em không được sử dụng các biện pháp phòng tránh an toàn nên khả năng lây các bệnh truyền qua đường tình dục rất cao.

Trẻ có thai: Điều này dễ xảy ra nếu nạn nhân là bé gái đã đến tuổi dậy thì. Bố mẹ nên để ý đến những bất thường như trẻ hay nôn, ói, chóng mặt, mệt mỏi. Bởi đó là dấu hiệu của thai kỳ.

Trẻ bị đau bụng mạn tính hoặc đau vùng hậu môn, nhiễm khuẩn đường tiết niệu tái diễn.

1.1.3.2. Dấu hiệu về tâm lý

Trầm cảm hoặc xu hướng tự sát, lo âu: Đây là hậu quả rõ rệt về mặt tâm thần. Nhiều em do sợ hãi, bị đe dọa nên càng rơi vào trầm cảm nặng.

Trẻ có các biểu hiện bất thường như đái dầm, rối loạn giấc ngủ, thủ dâm vô độ, ngại giao tiếp, hành vi gây hấn, học tập sút kém: Đó là hệ quả của việc bị tấn công, khiến trẻ mắc các rối loạn stress, sang chấn tinh thần lớn khi bị xâm hại.

Các em tỏ thái độ né tránh người khác, đặc biệt là người khác giới. Đây rất có thể là di chứng để lại sau cú sốc bị xâm hại khiến bé trở nên sợ hãi khi tiếp xúc với bất cứ đối tượng nào.

Trẻ em đột nhiên tắm nhiều và tắm rất lâu, đây là một trong những biểu hiện đặc thù của người từng bị xâm hại. Bởi lúc này sẽ hình thành nên bóng đen

tâm lý rằng mình đã không còn “sạch sẽ”, “dơ bẩn”, và chỉ có tắm mới có thể khiến mọi thứ được gột rửa đi.

Có những dấu hiệu bất thường trong khi ngủ mà trước đây chưa từng xảy ra ví dụ nhọt tề dầm, nửa đêm tỉnh dậy òa khóc, có ngọìi đồ thì vung tay loạn xạ.

Hoặc nặng nề hơn, trẻ có ý định tự sát. Bởi trẻ em ở mọi độ tuổi đều vô cùng non nớt, trước việc bị xâm hại tình dục trẻ sẽ không biết phải hành động như thế nào cho đúng. Bố mẹ lúc này đóng một vai trò vô cùng quan trọng phải là người luôn quan tâm và chăm sóc con. Bởi có như vậy mới có thể phát hiện ra những dấu hiệu bất thường cả trong tâm lý và sinh lý cũng như thân thể trẻ. (Theo báo An ninh thủ đô, số ra ngày 22/12/2018, Bá Hoàng tổng hợp)

1.1.4. Một số lý thuyết ứng dụng trong nghiên cứu

1.1.4.1. Lý thuyết nhu cầu Maslow

“Theo Maslow, về căn bản, nhu cầu của con người được chia ra làm 2 nhóm chính: Nhu cầu cơ bản và nhu cầu bậc cao (Maslow, 1943). Nhu cầu cơ bản liên quan đến các yếu tố thể lý của con người như mong muốn có đủ thức ăn, nước uống, được ngủ nghỉ... Những nhu cầu cơ bản này đều là các nhu cầu không thể thiếu hụt vì nếu con người không được đáp ứng đủ nhu cầu này, họ sẽ đấu tranh để có được, và tồn tại trong cuộc sống hằng ngày.

Các nhu cầu cao hơn nhu cầu cơ bản trên được gọi là nhu cầu bậc cao. Những nhu cầu này bao gồm nhiều nhân tố tinh thần như sự đòi hỏi công bằng, an tâm, vui vẻ, địa vị xã hội, sự tôn trọng, vinh danh với một cá nhân...

Theo Maslow nhu cầu của con người thành 5 thang bậc từ thấp đến cao.



Tháp nhu cầu của Maslow

14

a, Nhu cầu cơ bản/sinh lý

Nhu cầu này được gọi là nhu cầu của cơ thể hoặc nhu cầu sinh lý, bao gồm các nhu cầu cơ bản của con người như ăn, uống, ngủ, không khí để thở, nhu cầu làm cho con người thoải mái... Đây là những nhu cầu cơ bản nhất và mạnh nhất của con người. Trong hình kim tự tháp, chúng ta thấy những nhu cầu này được sắp xếp ở bậc thấp nhất, bậc cơ bản nhất.

Maslow cho rằng, những nhu cầu ở mức độ cao hơn sẽ không xuất hiện trừ khi những nhu cầu cơ bản này được thỏa mãn và những nhu cầu này sẽ chế ngự, hồi thúc, giục giã một người hành động khi nhu cầu cơ bản này chưa đạt được. Ông bà ta cũng đã sớm nhận ra điều này khi cho rằng “Có thực mới vực được đạo”, cần phải được ăn uống, đáp ứng nhu cầu cơ bản để có thể vươn tới nhu cầu cao hơn.

Chúng ta có thể kiểm chứng dễ dàng điều này khi cơ thể không khỏe mạnh, đói khát hoặc bệnh tật, lúc ấy các nhu cầu khác chỉ còn là thứ yếu. Sự phản đối của công nhân, nhân viên khi đồng lương không đủ nuôi sống họ cũng thể hiện việc đáp ứng các nhu cầu cơ bản cần phải được thực hiện ưu tiên.

b, Nhu cầu an toàn

Khi con người đã đáp ứng được các nhu cầu cơ bản, tức các nhu cầu này không còn điều khiển suy nghĩ và hành động của họ nữa, họ sẽ cần gì tiếp theo? Khi đó các nhu cầu về an toàn sẽ bắt đầu được kích hoạt. Nhu cầu an toàn này thể hiện trong cả thể chất lẫn tinh thần.

Con người mong muốn có sự tự bảo vệ cho sự sống còn của mình khỏi các nguy hiểm. Nhu cầu này sẽ trở thành động cơ hoạt động trong các trường hợp khẩn cấp, nguy hiểm đến tính mạng như chiến tranh, thiên tai, gặp thú dữ...

Nhu cầu này cũng thường được khẳng định thông qua các mong muốn về sự ổn định trong cuộc sống, được sống trong các khu vực an ninh, sống trong xã hội có pháp luật, có nhà để ở, nhiều người tìm đến sự che chở bởi các niềm tin

tôn giáo, triết học cũng là do những nhu cầu an toàn này, đây chính là việc tìm kiếm sự an toàn về mặt tinh thần.

Các chế độ bảo hiểm xã hội, các chế độ khi về hưu, các kế hoạch dành tiền tiết kiệm cũng chính là thể hiện sự đáp ứng nhu cầu này. Thông qua việc nghiên cứu 2 cấp bậc nhu cầu trên, chúng ta có thể thấy nhiều điều thú vị: Muốn kìm hãm hay chặn đứng sự phát triển của một người nào đó, cách cơ bản nhất là tấn công vào các nhu cầu bậc thấp của họ. Nhiều người làm việc chịu đựng, các đòi hỏi vô lý, các bất công, vì họ sợ mất việc làm, không có tiền nuôi bản thân, gia đình, họ muốn được yên thân... Muốn một người phát triển ở mức độ cao thì phải đáp ứng các nhu cầu bậc thấp của họ trước: Đồng lương tốt, chế độ đãi ngộ hợp lý, nhà cửa ổn định... Ông bà chúng ta từng nói: “An cư thì mới lạc nghiệp”. Một đứa trẻ đói khát cùng cực thì không thể học tốt, một đứa trẻ bị stress thì không thể học hành, một đứa trẻ bị sợ hãi, bị đe dọa thì càng không thể học. Lúc này, các nhu cầu cơ bản, an toàn được kích hoạt và nó chiếm quyền ưu tiên so với các nhu cầu học hành, các nghiên cứu về bộ não người cho thấy, trong các trường hợp bị sợ hãi, đe dọa về mặt tinh thần và thể xác, não người tiết ra các hóa chất ngăn cản các quy trình suy nghĩ, học tập.

c, Nhu cầu xã hội

Nhu cầu này còn được gọi là nhu cầu mong muốn thuộc về một bộ phận, một nhóm hay tổ chức nào đó hoặc nhu cầu về tình cảm, tình thương. Nhu cầu này thể hiện qua quá trình giao tiếp nhờ việc tìm kiếm, kết bạn, tìm người yêu, lập gia đình, tham gia một cộng đồng nào đó, đi làm việc, đi chơi pic níc, tham gia các câu lạc bộ, làm việc nhóm...

Nhu cầu này là một dấu vết của bản chất cuộc sống theo bầy đàn của loài người từ buổi bình minh đến nhân loại. Mặc dù Maslow xếp nhu cầu này sau 2 nhu cầu phía trên, nhưng ông nhấn mạnh rằng nếu nhu cầu này không được thỏa mãn và đáp ứng, nó có thể gây ra các bệnh trầm trọng trong tinh thần, thần kinh. Nhiều nghiên cứu gần đây cũng cho thấy những người sống độc thân thòong hay mắc các bệnh về tiêu hóa, thần kinh, hô hấp hơn những người sống với gia đình. Chúng ta cũng biết rằng sự cô đơn có thể giết chết con người. Nhiều em ở độ tuổi mới lớn đã lựa chọn con đường từ bỏ thế giới này với lý do “Những người xung quanh, không ai hiểu con hết”.

Để đáp ứng được nhu cầu thứ 3 này, nhiều cơ quan tổ chức cho các nhân viên có các buổi cắm trại ngoài trời, cùng chơi các trò chơi tập thể, nhà trường áp dụng các phương pháp làm việc nhóm, các phương pháp giảng dạy dựa trên vấn đề, các tổ chức Đoàn, Đội trong nhà trường được giao trách nhiệm tập hợp các em, định hướng các em những hoạt động bổ ích. Kết quả cho thấy: Các hoạt động chung, hoạt động ngoài trời gắn kết các thành viên đã đem lại kết quả tốt cho tinh thần, từ đó nâng cao hiệu suất cho công việc.

d, Nhu cầu được tôn trọng

Nhu cầu này còn được gọi là nhu cầu tự trọng vì nó thể hiện ở 2 cấp độ: Nhu cầu được người khác quý mến, nể trọng thông qua các thành quả của bản thân, và nhu cầu cảm nhận, quý trọng chính bản thân, danh tiếng của mình, có lòng tự trọng, sự tự tin vào khả năng của bản thân. Sự đáp ứng và đạt được nhu cầu này có thể khiến cho một đứa trẻ học tập tích cực hơn, một người trưởng thành hơn, cảm thấy tự do hơn.

Chúng ta thường thấy trong công việc hoặc trong cuộc sống, khi có một người được khích lệ, tôn trọng về thành quả lao động của mình, họ sẵn sàng làm việc hăng say hơn, hiệu quả hơn. Nhu cầu này được xếp sau “nhu cầu thuộc về một tổ chức”, nhu cầu xã hội phía trên, sau khi gia nhập một tổ chức, một hội nhóm, chúng ta luôn muốn được mọi người trong nhóm nể trọng, để cảm thấy mình có “vị trí” trong nhóm đó.

Kinh nghiệm giáo dục cũng chỉ ra rằng: Các hành động bêu xấu học sinh trước lớp, các bạn học sinh khác “lêu lêu” một em học sinh bị phạm lỗi... chỉ dẫn đến những hậu quả tồi tệ hơn về mặt giáo dục, tâm lý.

“Nhà soạn phạm lỗi lạc Makarenko trong suốt cuộc đời dạy dỗ trẻ em học, khi được hỏi bí quyết nào để sửa đổi các em, ông nói: “Bản chất của tâm lý con người ai cũng có được tôn trọng, chạm đến lòng tự trọng là chạm đến điều sâu và đau nhất, là điểm tử huyệt nhất của con người”. Khi được tôn trọng là đã cho con người ở vị trí “Người ” nhất của mình. Do vậy cần có trách nhiệm buộc phải sống và hành xử đúng đắn với sự tôn trọng đó.

e, Nhu cầu được thể hiện mình

Maslow mô tả nhu cầu này như sau: Nhu cầu của một cá nhân mong muốn là được chính mình, được làm những cái gì mà mình sinh ra để làm. Nói một cách đơn giản hơn, đây là nhu cầu được sử dụng hết khả năng, tiềm năng của mình để khẳng định mình, để làm việc, đạt thành quả trong xã hội.

Chúng ta có thể thấy nhiều người xung quanh mình, khi đã đi đến đoạn cuối sự nghiệp thì lại luôn hối tiếc vì mình không làm được việc đúng như khả năng, mong ước của mình. Hoặc có nhiều trường hợp, có người đang giữ một vị trí lượng cao trong một công ty, lại dứt áo ra đi vì muốn thực hiện công việc mà mình mong muốn, Maslow đã nói “Born to do”. Đó chính là việc đi tìm kiếm cách thức năng lực, trí tuệ, khả năng của mình được phát huy mà mình cảm thấy hài lòng về nó”.

Sau này Maslow đã phát triển thuyết nhu cầu của mình từ 5 bậc cơ bản lên thành 8 bậc bao gồm nhu cầu nhận thức, nhu cầu thẩm mỹ (Maslow, 1970a) và bậc thang nhu cầu cao nhất là nhu cầu tâm linh (Maslow, 1970b).

Bậc thang cognitive: Nhu cầu về nhận thức và hiểu biết - học để hiểu biết, góp phần vào kiến thức chung.

Bậc thang Aesthetic: Nhu cầu về thẩm mỹ - được chăm sóc bản thân để hướng đến những cái đẹp.

Bậc thang Self-transcendence: Nhu cầu về tâm linh - một trạng thái siêu nhiên, lòng vị tha, hòa hợp, bác ái.

Các nhu cầu cơ bản thường được ưu tiên chú ý trước so với những nhu cầu bậc cao này, với một người bất kì, nếu thiếu ăn, thiếu uống, họ sẽ không quan

tâm đến nhu cầu về vẻ đẹp, sự tôn trọng. (Theo Ts. Nguyễn Trung Hải, Giáo trình lý thuyết công tác xã hội, Trường Đại học Lao động Xã Hội, tr.41- 45)

Ứng dụng vào đề tài

: Ngày nay, cuộc sống ngày càng phát triển... Những nhu cầu cơ bản như ăn, uống, mặc, ở của con người được đáp ứng một cách đầy đủ, con người muốn hướng đến những nhu cầu bậc cao hơn, học sinh Tiểu học và Trung học cũng vậy, các em cần có nhu cầu được bảo vệ về sức khỏe, bảo vệ về tinh thần vì

vậy việc có nhận thức về phòng chống xâm hại trẻ rất cần thiết. Đề tài sử dụng thuyết nhu cầu của Maslow để xem xét học sinh Tiểu học và Trung học cơ sở Đức Xuân có nhu cầu được hiểu biết về các vấn đề phòng chống xâm hại tình dục là tất yếu nhằm đáp ứng nhu cầu của các em. Trong đó nhu cầu phòng chống xâm hại tình dục trẻ em trong tháp nhu cầu được xếp ở nhu cầu an toàn. Chính vì thế, học sinh Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Đức Xuân rất cần được trang bị những kiến thức liên quan về giáo dục phòng chống xâm hại tình dục trẻ em nhỏ: Biết các kiến thức liên quan đến xâm hại trẻ em, các cách để bảo vệ bản thân,... Ứng dụng lý thuyết này cũng giúp nhà nghiên cứu nhìn nhận, đánh giá mức độ quan trọng của nhu cầu phòng chống xâm hại tình dục trẻ em đối với học sinh bậc Tiểu học và Trung học cơ sở. Từ đó có giải pháp nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của phòng chống xâm hại tình dục cho học sinh, gia đình, nhà trường và cộng đồng nhằm tác động tích cực hơn góp phần thúc đẩy sự phát triển lành mạnh cho các em.

1.1.4.2. Thuyết hành vi

Khái niệm về hành vi: Theo Từ điển Bách khoa Việt Nam hành vi là sự sự của con người trong hoàn cảnh cụ thể, biểu hiện ra bên ngoài bằng lời nói, cử chỉ nhất định. Tiếp cận hành vi là một trong những cố gắng rất lớn của tâm lý học thế giới đầu thế kỉ XX, nhằm khắc phục tính chủ quan trong nghiên cứu các hiện tượng tâm lý thời kì đó. Kết quả đã được hình thành một trường phái có ảnh hưởng mạnh mẽ đến sự phát triển của tâm lý học Mỹ và thế giới thế kỉ XX, mà đại biểu xuất sắc là nhà tâm lý học kiệt xuất: J. Watson (1878- 1958), E. Tolmen (1886- 1959), E.L. Tordike (1874- 1949), B.Ph. Skinner (1904- 1990)...

Các nhà tâm lý học theo hướng tiếp cận các hành vi phủ nhận việc nghiên cứu ý thức của con người.

Thuyết hành vi là một trường phái tâm lý học giải thích hành vi chỉ dựa trên những quan sát hành vi thấy rõ hơn là dựa vào những quá trình nhận thức diễn ra bên trong não hay là những hành vi không thấy rõ. Có thể phân tích thuyết hành vi theo 2 nhánh chính là thuyết hành vi cổ điển, đại biểu là skinner,

thuyết nhận thức hành vi đại biểu là E.Tolmen.

Thuyết hành vi cổ điển bắt nguồn từ cơ sở của tâm lý cho rằng con người là phản ứng do một sự thay đổi của môi trường, gọi là tác nhân kích thích. Phản ứng của con người là nhằm kích thích của tác nhân kích thích này.

Mô hình cơ bản: S -> R -> B

S(stimulate): Kích thích

R(reflexion): Phản ứng của con người

R(response, result): Phản ứng/kết quả hành vi

Có thể lấy thí nghiệm của skinner để minh họa cho mô hình trên như sau: Một con chuột được thả vào một cái hộp có một nút nhỏ bên trong, khi chuột ấn nút xuống, thức ăn sẽ rơi xuống, ban đầu con chuột chạy khắp nơi trong hộp và vô tình một lần đạp phải cái nút nhỏ và phát hiện ra thức ăn rơi xuống. Lối vận hành và hành vi ngay sau khi có tác nhân củng cố là thức ăn. Tất nhiên sau đó chuột liên tục đạp vào nút và mạng thức ăn rơi xuống xếp vào một góc nhỏ. Sau đó ông kết luận: Một hành vi khi có sự xuất hiện của kích thích tác nhân củng cố là thức ăn, sẽ tạo một kết quả là khả năng xảy ra của hành vi ấy sẽ diễn ra thường xuyên hơn trong tương lai. Khi chuột không được cho thức ăn mỗi khi đạp vào nút, vài lần cố gắng, chuột sẽ ngừng hành vi đạp nút. Đây là quá trình triệt tiêu (hay còn gọi là quá trình quên) hành vi đạp nút của con chuột. Ông kết luận rằng: Một hành vi không có sự xuất hiện của các tác nhân củng cố (là thức ăn) sẽ tạo ra kết quả là khả năng xảy ra của hành vi (đạp nút) sẽ giảm đi trong tương lai. Sau đó thức ăn lại được cung cấp, chuột đạp vào nút và lại nhận thức ăn, hành vi của chuột trở lại thật nhanh, mau hơn lần đầu tiên chuột vô tình phát hiện thức ăn. Đơn giản là tác nhân củng cố đã thiết lập một lịch trình củng cố trong quá khứ.

Các yếu tố cơ bản của tâm lý hành vi thể hiện:

Tâm lý học hành vi tuyên bố không quan tâm đến việc mô tả giảng giải các trạng thái tâm lý của ý thức mà chỉ quan tâm đến hành vi tồn tại của người.

Đối tượng của tâm lý học hành vi là hành vi. Hành vi được xem là tổ hợp

các phản ứng của cơ thể trước các kích thích của môi trường bên ngoài.

R(stimulant: Kích thích; Reaction: Phản ứng). Quan sát cũng như giải thích hành vi đều phải tuân thủ theo công thức S.

Việc giải quyết vấn đề đạt được bằng phương pháp thử sai và được giải thích như việc lựa chọn một cách hú họa, may rủi của các vận động cần phải tiến hành trong các tình huống cụ thể.

Đa số các hành vi đều là học được, vì vậy các yếu tố di truyền có tầm quan trọng rất nhỏ.

Ngôn ngữ chỉ là một hình thức khác của hành vi bị chi phối bởi các nguyên tắc học tập.

Các nguyên tắc chi phối việc học tập nơi loài người cũng giống như loài vật; Vì vậy khi nghiên cứu có thể chúng ta biết nhiều điều về con người.

Về nguyên nhân của hành vi, các sự kiện ý thức có thể không xét đến hoặc chỉ có vai trò rất ít (trừ học thuyết Tolman và Bandura). (Theo Ts. Nguyễn Trung Hải, Giáo trình lý thuyết công tác xã hội, Trường Đại học Lao động Xã hội, tr.69-71).

Ứng dụng của thuyết hành vi vào nghiên cứu:

Công tác xã hội trong phòng chống xâm hại tình dục trẻ em đối với học sinh Tiểu học và Trung học cơ sở ảnh hưởng đến sự thay đổi về hành vi của trẻ, khi trẻ gặp những tình huống, các hành vi xâm hại tình dục trẻ em, trẻ có thể học tập theo và thực hiện hành vi đầy với bạn khác. Đề tài sử dụng lý thuyết hành vi để từ đó có những giải pháp chung và những giải pháp về công tác xã hội nhằm giúp học sinh có kiến thức đúng đắn và có những hành vi để tự bảo vệ mình và những hành vi không ảnh hưởng đến người khác.

1.2. Tổng quan về tình hình nghiên cứu

Có rất nhiều công trình công trình khoa học nghiên cứu về xâm hại tình dục trẻ em, phòng ngừa xâm hại tình dục trẻ em và nâng cao kiến thức, kỹ năng phòng ngừa xâm hại tình dục trẻ em đặc biệt ở các trường học có thể kể

đền nợ: Luận văn điều tra các vụ xâm hại tình dục trẻ em trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh: Thực trạng và giải pháp nâng cao hiệu quả

Các tội xâm hại tình dục trẻ em quy định của pháp luật hình sự Việt Nam và nghiên cứu so sánh với một số nước của tác giả Nguyễn Minh Hoàng; công trình Phòng ngừa các tội xâm hại tình dục trẻ em trên địa bàn thành phố Hà Nội của tác giả Loqu Hải Yến; Bài viết công tác đọa trẻ bị xâm hại tình dục tái hòa nhập cộng đồng tại mái ấm Hoa hồng nhỏ, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh của tác giả Phan Thị Tâm; Nghiên cứu công tác xã hội với trẻ bị xâm hại tình dục và khả năng đáp ứng chuyên môn công tác xã hội trong lĩnh vực này của tác giả Huỳnh Thị Bích Phụng; Bài nghiên cứu của bảo vệ quyền trẻ em trong pháp luật Việt Nam hiện hành của tác giả Đinh Thị Nga đăng trên tạp chí khoa học Đại học quốc gia Hà Nội; Bài tham luận vai trò của nhân viên công tác xã hội trong việc hỗ trợ cho trẻ bị xâm hại tại Hà Nội của tác giả Nguyễn Thị Hải, Đại học Thăng Long; Bài viết ảnh hưởng của giáo dục nhà trường tới nhận thức của học sinh Trung học phổ thông về sức khỏe sinh sản (Khảo sát tại trường Trung học phổ thông Than Uyên II, Lai Châu của tác giả Nguyễn Thị Hải Lý)

Bài viết Phòng ngừa xâm hại tình dục trẻ em và vai trò của Công tác xã Hội của tác giả Nguyễn Thị Đào, đại học Thăng Long năm 2014 đã giúp cho người đọc hiểu thêm về vấn nạn xâm hại tình dục trẻ em, thực trạng, hậu quả, cách nhận biết, cách phòng ngừa xâm hại tình dục trẻ em. Tác giả Nguyễn Thị Đào mong muốn mọi cha mẹ hãy là người bạn, người thầy, người cha mẹ tốt của trẻ. Giúp các con tự trang bị cho mình những kiến thức cần thiết để phát triển. Học hỏi và biết tự bảo vệ chính bản thân mình khỏi những vấn nạn của xã hội. Trong đó có nạn xâm hại tình dục trẻ em.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG VỀ KIẾN THỨC VÀ KỸ NĂNG PHÒNG CHỐNG XÂM HẠI TÌNH DỤC TRẺ EM CỦA HỌC SINH TRƯỜNG TIỂU HỌC VÀ TRUNG HỌC CƠ SỞ ĐỨC

XUÂN 2.1. Đặc điểm địa bàn nghiên cứu

2.1.1. Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Đức Xuân

Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Đức Xuân thành lập năm 2019 theo Quyết định số 111/QĐ-UBND ngày 28 tháng 6 năm 2019 của Ủy ban nhân dân huyện Thạch An, sáp nhập từ trường Tiểu học Đức Xuân và trường Trung học cơ sở Đức Xuân. Trường đóng trên địa bàn Thôn Pác Khoang, xã Đức Xuân, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng với diện tích hiện nay là 5.288m². Khi mới thành lập trường có 182 học sinh chia thành 11 lớp (7 lớp Tiểu học, 4 lớp THCS). Từ năm học 2015-2016 đến nay cấp THCS duy trì mỗi năm học có 4 lớp, năm học 2019-2020 có 65 học sinh.

Năm học 2019 - 2020, trường có 02 cán bộ quản lý (Trong đó 01 trình độ đại học - Phó hiệu trưởng; 01 đồng chí - Hiệu trưởng) và 20 cán bộ giáo viên (văn thư: 01; giáo viên THCS: 08; giáo viên Tiểu học: 10- trực tiếp giảng dạy, 100% có trình độ đạt chuẩn trở lên, có 15 giáo viên có trình độ cao đẳng, đại học, chiếm tỉ lệ 83,3 %. Tổng số học sinh là 184 em được chia thành 11 lớp (Trong đó: Tiểu học: 120 học sinh 7 lớp; THCS: 65 học sinh 4 lớp). Trường có

15 Đảng viên sinh hoạt chung trong chi bộ ba nhà trường trong xã, Chi bộ liên tục đạt chi bộ Đảng trong sạch vững mạnh và giữ vai trò hạt nhân lãnh đạo các hoạt động của các nhà trường. Các tổ chức Công đoàn, Đoàn thanh niên, Đội thiếu niên, Hội cha mẹ học sinh đều hoạt động tưng bừng đối hiệu quả góp phần đưa nhà trường hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

2. Thực trạng về công tác xã hội tại trường Tiểu học và Trung học cơ sở Đức Xuân

Công tác xã hội trong trường học là vấn đề vô cùng quan trọng góp phần vào sự nghiệp giáo dục thế hệ tương lai của đất nước, trong tiến trình thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam hiện nay, đồng thời với nhiều chuyên

biến tích cực trên nhiều phương diện trong phát triển kinh tế xã hội, đã có nhiều vấn đề xã hội nảy sinh và có ảnh hưởng đến trẻ em. Nhiều vấn đề phức tạp đã xảy ra khá nghiêm trọng liên quan đến học sinh trong các trường học: áp lực, quá tải trong học tập, bạo lực học đường, các hành vi lệch chuẩn như nghiện game, ma túy...

Tuy nhiên ở Việt nam, công tác xã hội trong trường học lại rất mới, chỉ có số ít trường (chủ yếu là các trường ở thành phố lớn) có phòng công tác xã hội, hay có các hoạt động về công tác xã hội trong trường học.

Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Đức Xuân là một trường nằm ở vùng miền núi, điều kiện còn rất nhiều khó khăn, nên hiện nay trường vẫn chưa có phòng công tác xã hội hay các hoạt động về công tác xã hội được diễn ra

Tại trường có 2 giáo viên có chuyên môn về giáo dục giới tính, tuy nhiên các thầy cô giáo vẫn chưa tổ chức các buổi nhằm hỗ trợ, hướng dẫn các bạn học sinh các kiến thức.

2.3. Thực trạng nhận thức về phòng chống xâm hại tình dục trẻ em của học sinh Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Đức Xuân

2.3.1. Nhận thức của học sinh về xâm hại tình dục trẻ em

2.3.1.1. Các hành vi xâm hại tình dục trẻ em

Nhận thức đúng đắn về các hành vi là rất quan trọng, đó là tiền đề để học sinh có thể hiểu được những kiến thức có liên quan đến xâm hại tình dục trẻ em, để từ đó các em có thể bảo vệ được bản thân tốt hơn.



Bảng 2.1. Nhận thức của học sinh về các hành vi xâm hại tình dục trẻ em.

Đáp án	Tần số (số người chọn)	Tần suất (%)
A. Đánh đập, dọa nạt, bắt trẻ em phải quan hệ tình dục với mình.	3	4,8
B. Đọa bộ phận sinh dục nam hoặc các bộ phận khác như ngón tay, lợi vào miệng, hậu môn, hoặc vào bộ phận sinh dục của người khác.	4	6,5
C. Lợi dụng vào việc người khác đang rơi vào hoàn cảnh khó khăn để thực hiện hành vi hiếp dâm.	3	4,8
D. Dụ dỗ, lôi kéo trẻ em vào hoạt động mại dâm	4	6,5
E. Dùng tay hoặc bộ phận sinh dục động chạm đến bộ phận riêng tư của người khác	5	8,1
F. Mắng chửi	0	0
G. Nói những câu yêu thương	0	0
H. Khác	1	1,6
Chọn A, B, C, E	12	19,3
Chọn A, B, C, D, E	30	48,4
Tổng	62	100%

(Nguồn: Khảo sát thực tế)

Theo nghị Bộ luật hình sự 2015 có quy định, các hành vi xâm hại tình dục trẻ em là:

1. *Hiếp dâm người dưới 16 tuổi*: Dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc lợi dụng tình trạng không thể tự vệ được của nạn nhân hoặc thủ đoạn khác giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi trái với ý muốn của họ.

2. *Cưỡng dâm người từ 13 đến dưới 16 tuổi*: Dùng mọi thủ đoạn khiến người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi đang ở trong tình trạng lệ thuộc mình hoặc trong tình trạng quần bách phải miễn cưỡng giao cấu hoặc miễn cưỡng thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác.

3. *Giao cầu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi*: Người nào đủ 18 tuổi trở lên mà giao cầu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 142 và Điều 144 của bộ luật này.

4. *Hành vi dâm ô với người dưới 16 tuổi*: Người nào đủ 18 tuổi trở lên mà có hành vi dâm ô đối với người dưới 16 tuổi không nhằm mục đích giao cầu hoặc không nhằm thực hiện các hành vi quan hệ tình dục khác.

5. *Sử dụng người dưới 16 tuổi vào mục đích khiêu dâm*: Người nào đủ 18 tuổi trở lên mà lôi kéo, dụ dỗ, ép buộc người dưới 16 tuổi trình diễn khiêu dâm hoặc trực tiếp chứng kiến việc trình diễn khiêu dâm dưới mọi hình thức.

Nhạy vậy các đáp án là A, B, C, D, E là đúng ta thấy rằng: Có 30 học sinh trả lời được đúng 100% (chiếm 48,4%, tỉ lệ cao nhất), có 12 học sinh khác trả lời được đúng 80% (chiếm 19,3%) và 19 học sinh trả lời đúng 20% (chiếm 32,3%).

Khi được hỏi: “Những hành vi nào được xem là xâm hại tình dục trẻ em?”. Tôi nhận được một số câu trả lời nhạy sau: Học sinh số 19, nữ, lớp 2 trả lời rằng: “*Họ hôn vào môi em, sờ vào chỗ mà em đi đại, bố mẹ động vào thì không sao đâu, lúc mình đi tắm thì bố mẹ tắm cho, bố mẹ cũng hôn em nhưng đây không phải xâm hại*”; Học sinh số 10 là nữ lớp 2 cho rằng: “*Em nghe bảo là quan hệ tình dục, nhưng em không hiểu đây là như thế nào, em nghĩ xâm hại tình dục trẻ em chắc là động chạm đến cơ thể mình ấy. Động chạm vào tay chân chắc không phải đâu, chắc là động vào mấy chỗ như ngực với chỗ mình đi vệ sinh ấy*”; Học sinh số 13 là nữ lớp 1 có trả lời: “*Bố mẹ, ông bà, nhiều cô chú đến nhà em chơi, em hay trèo lên để bé, các cô chú cũng hôn em mà, đây là thương em, yêu em thôi chứ không phải cái gì đâu*”.

Qua bảng 2.1. Nhận thức của học sinh về các hành vi xâm hại tình dục trẻ em và qua phỏng vấn sâu, tôi nhận thấy rằng: Phần lớn học sinh đều đã nhận thức được các hành vi xâm hại tình dục trẻ em, qua việc tất cả học sinh đã không xem

những hành vi nhỏ: “mắng chửi” và “nói những câu yêu thương” là hành vi xâm hại tình dục. Tỷ lệ các bạn trả lời đúng từ 50% trở lên chiếm đa số (chiếm 67,7%). Khi biết được các hành vi thế nào là xâm hại tình dục, học sinh sẽ có cách để phòng tránh hành vi đó xảy ra với mình, có thể tự bảo vệ một cách tốt hơn.

Bên cạnh đó vẫn còn một số học sinh vẫn chưa có nhận thức toàn diện về các hành vi xâm hại tình dục, thể hiện ở việc có đến 32,3% số học sinh chỉ trả lời được đúng được 20%.

Với những hành vi học sinh chưa nhận thức được đó là hành vi xâm hại tình dục, học sinh có nguy cơ bị người khác lợi dụng, xâm hại mà không hề hay biết.

Trong văn hóa của các nước phương Đông, trong đó có Việt Nam, khi đến những gia đình có em nhỏ, nhiều người thường có thói quen là thực hiện những hành động ôm, hôn, bế, có những người còn động chạm đến những vùng nhạy cảm của các em. Cha mẹ cũng thường không quan tâm hoặc cho đây chỉ là những hành động yêu thương, thể hiện tình cảm với con em mình, mà không biết được rằng đó là hành động xâm hại tình dục. Đây là nguyên nhân mà nhiều đối tượng lợi dụng để có thể thực hiện hành vi xâm hại tình dục.

Khi các bậc phụ huynh chưa có nhận thức đúng đắn, thì sẽ không thể bảo vệ được con em mình dẫn đến việc các con có thể trở nạn nhân của xâm hại tình dục.

2.3.1.2. Các bộ phận riêng tư trên cơ thể

Bảng 2.2. Nhận thức của học sinh về các bộ phận riêng tư trên cơ thể.

Đáp án	Tần số (số người chọn)	Tần suất (%)
A. Đầu	0	0
B. Ngực	5	8,1
C. Mông	3	4,8
D. Chân, tay	0	0
E. Bộ phận sinh dục của nam và nữ	12	19,4
F. Hậu môn	0	0
Chọn B, C	12	17,7
Chọn B, C, E	12	21
Chọn B, C, E, F	18	29
Tổng	62	100%

(Nguồn: Khảo sát thực tế)

Các bộ phận “ngực”, “mông”, “bộ phận sinh dục của nam và nữ”, “hậu môn” đều là bộ phận riêng tư trên cơ thể con người, đây là những bộ phận không ai có quyền động chạm vào khi không được phép, qua những bộ phận này các đối tượng có thể thực hiện hành vi xâm hại tình dục với trẻ em.

Kết quả bảng 2.2 ta thấy rằng: Tất cả học sinh đã hiểu đúng về các bộ phận riêng tư trên cơ thể, thể hiện ở việc tất cả đã trả lời đúng ít nhất một bộ phận riêng tư và đã không lựa chọn các đáp án nhọ tay, chân, đầu. Tuy nhiên, học sinh lại chưa hiểu một cách đầy đủ.

Nếu coi trả lời cả 4 đáp án là: Ngực, mông, bộ phận sinh dục của nam và nữ, hậu môn là đúng hoàn toàn thì: Chỉ có 18 học sinh trả lời được đúng 100% (chiếm 29%), có 12 học sinh trả lời được đúng 75% (chiếm 17,7%), có 12 học sinh khác trả lời được đúng 50% (chiếm 17,7%), và có 20 học sinh trả lời chỉ đúng 25% (chiếm 32,2%, đây là tỉ lệ cao nhất).

Khi người thực hiện đề tài đưa ra câu hỏi: “Theo em, đâu là bộ phận riêng tư trên cơ thể?”. Nhận kết quả nhọ sau: Học sinh số 4, nữ, lớp 5: “Bố mẹ nói với em là: con không được cho người khác động vào ngực, vào mông, vào chỗ đi vệ sinh của mình, nếu mà động vào những chỗ đấy là họ đang có ý đồ xấu với mình, mình cần phải chạy ngay. Bây giờ em lớn rồi, em cũng toàn tự tắm thôi, không cho bố mẹ tắm cho nữa đâu anh”; Học sinh số 8, nữ, lớp 5 có câu trả lời: “Em xem trên VTV6 ấy anh, họ bảo các vùng riêng tư trên cơ thể là: Ngực, mông, vùng đồ bơi. Em cũng chả biết vùng đồ bơi là như thế nào nữa anh, tại em chưa mặc đồ bơi bao giờ cả”; Học sinh số 1, nam, lớp 3 lại cho rằng: “Bố mẹ em chỉ bảo là cái chỗ mà mình đi vệ sinh ấy ạ vì chỗ đấy mình mặc quần để che đi không cho ai thấy, còn mấy chỗ khác em không thấy bố mẹ nói đâu, ngực không phải chỗ riêng tư đâu, em toàn cởi áo ra suốt, người ta nhìn thấy mà.

Trong quá trình thực hiện khảo sát và phỏng vấn sâu, tôi nhận thấy có 2 suy nghĩ sai lệch mà học sinh thường mắc phải đó là: Hậu môn không phải bộ phận riêng tư và bộ phận riêng tư duy nhất là bộ phận sinh dục của nam và nữ.

Những suy nghĩ nhợt nhạt là có thể là do các nguyên nhân: Nhiều bậc phụ

huynh vẫn chưa hiểu rõ được hết hoặc chưa nói ra hết những bộ phận riêng toạ trên cơ thể, dẫn đến việc hướng dẫn cho con một cách không đầy đủ. Nguyên nhân thứ hai là hiện nay trên các phương tiện truyền thông đại chúng, khi đề cập đến các vùng riêng toạ trên cơ thể thường sử dụng từ ngữ chưa chính xác ví dụ như: Sử dụng từ “Vùng kín ” thay cho sử dụng từ “ Bộ phận sinh dục”; Hoặc sử dụng “Vùng đồ bơi” thay cho việc nói các bộ phận như: “mông”, “ngực”, “bộ phận sinh dục”, “hậu môn”. Những điều trên đã khiến cho trẻ hiểu chưa đầy đủ hoặc có những nhận thức còn chưa đúng về các bộ phận riêng toạ.

Khi học sinh chưa có những hiểu biết một cách đầy đủ về các bộ phận riêng toạ trên cơ thể, có thể có nguy cơ bị các đối tượng lợi dụng, thực hiện các hành vi như sờ mó, động chạm,... Học sinh sẽ không nhận thức được đó là xâm hại mình, và không có cách để đối phó, để tự bảo vệ bản thân. Như vậy sẽ rất nguy hiểm.

2.3.1.3. Độ tuổi bị xâm hại tình dục trẻ em

Bảng 2.3. Nhận thức của học sinh về các lứa tuổi có thể bị xâm hại tình dục

Đáp án	Tần số (số người chọn)	Tần suất (%)
A. Dưới 5 tuổi	0	0
B. Từ 5 đến 10 tuổi	6	9,7
C. Từ 11 đến 16 tuổi	21	33,9
Chọn B và C	25	40,3
Chọn A, B, C	10	16,1
Tổng	62	100%

(Nguồn: Khảo sát thực tế)

Trong những năm trước đây, lứa tuổi mà trẻ thường bị xâm hại là khoảng từ 11- 16 tuổi. Tuy nhiên hiện nay, lứa tuổi lại đang ngày một trẻ hóa, nhiều nạn nhân bị xâm hại khi chỉ mới 6, 7 tuổi thậm chí nhiều em bị xâm hại khi chỉ 2, 3 tuổi. Những vụ việc xảy ra gây những bức xúc lớn trong xã hội.

Nếu chọn cả 3 đáp án: “Dưới 5 tuổi”, “Từ 5 đến 10 tuổi” và “từ 11 đến 16

tuổi” là đúng 100%. Có 10 học sinh trả lời đúng đợc hoàn toàn (chiếm 16,1%, đây là tỉ lệ thấp nhất), có 25 học sinh trả lời đợc đúng 66,7% (chiếm 40,3%), và 27 học sinh trả lời đúng đợc 33,3% (chiếm 43,6 %, tỉ lệ cao nhất).

Qua phỏng vấn sâu, khi đặt câu hỏi: “Trẻ em trong độ tuổi nào có thể bị xâm hại tình dục?”. Tôi nhận đợc một số câu trả lời như sau: Học sinh số 16, nữ, lớp 2 trả lời rằng: “Em chưa thấy bạn nào ở tuổi của em bị xâm hại cả, toàn thấy nói mấy anh chị cấp 2 thôi, trước em thấy mẹ kể bảo có vụ gì ở Phú Thọ ấy mà hiệu trưởng xâm hại trẻ em đấy, toàn mấy anh chị cấp 2”; Học sinh số 7, nam, lớp 5 lại cho rằng: “Em nghĩ nếu mà xâm hại tình dục trẻ em là động vào mấy chỗ như mông, đùi, ngực... thì chắc ai cũng bị thôi anh, trên người thì ai cũng có những chỗ đấy để động vào mà. Nhưng chắc mấy anh chị lớn mới hay bị thôi, càng lớn càng xinh, ai chả muốn động”; Học sinh số 3, nữ, lớp 5: “Dưới 5 tuổi còn bé tí anh ơi, chắc chả ai đi hại em bé đâu, nhìn các em dễ thương lắm. Em có đưa em 3 tuổi, mọi người đến nhà ai cũng thương em, bế em”.

Từ bảng 2.3 và câu trả lời của học sinh, tôi có nhận xét như sau: Có một số ít học sinh đã hiểu đợc đầy và toàn diện các lứa tuổi có thể bị xâm hại tình dục (chiếm 16,1%). Một số học sinh có nêu ra đợc các ví dụ cụ thể các vụ án xảy ra ở trong nước. Học sinh có đợc những kiến thức này thông qua sự hướng dẫn của bố mẹ, hoặc những người thân trong gia đình, qua mạng internet. Tuy nhiên phần lớn học sinh vẫn chưa hoàn toàn hiểu đợc hết các độ tuổi có thể bị xâm hại tình dục. Số học sinh trả lời đúng 33% tỉ lệ còn lớn (chiếm đến 43,6%). Đa phần đều nghĩ chỉ có lứa tuổi từ 5 đến 10 tuổi và từ 11 đến 16 tuổi mới là lứa tuổi có thể bị xâm hại, còn dưới 6 tuổi thì không.

Những suy nghĩ này có thể là do một số nguyên nhân như: Ít có các vụ xâm hại tình dục mà người bị xâm hại dưới 5 tuổi xảy ra nên học sinh nghĩ rằng dưới 5 tuổi thì không thể bị xâm hại đợc. Một phần nguyên nhân nữa có thể là do bố mẹ, thầy cô ít quan tâm và hướng dẫn cho học sinh về các lứa tuổi có nguy cơ về xâm hại tình dục, học sinh sẽ thiếu các nguồn thông tin, dẫn đến nhận thức chưa đủ với các lứa tuổi có thể bị xâm hại tình dục trẻ em.

Nhiều học sinh sẽ có tâm lý chủ quan, các em sẽ nghĩ mình không phải là

đối tượng có thể bị xâm hại tình dục dẫn đến việc các em sẽ không trang bị những kiến thức, những kỹ năng cần thiết để phòng tránh. Khi gặp sự việc xảy ra, các em rất khó để có cách giải quyết tốt nhất.

2.3.1.4. Đối tượng bị xâm hại

Bảng 2.4. Nhận thức của học sinh về đối tượng có thể bị xâm hại tình dục

Đáp án	Tần số (số người chọn)	Tần suất (%)
A. Con trai	2	3,2
B. Con gái	35	56,5
Chọn cả A và B	25	40,3
Tổng	62	100%

(Nguồn: Khảo sát thực tế)

Các vụ án về xâm hại tình dục trẻ em đã chỉ ra rõ, không có trẻ thuộc giới tính nào thể tránh được xâm hại tình dục trẻ em. Cả con trai, cả con gái, đều thuộc đối tượng dễ những kẻ xấu có thể thực hiện hành vi xâm hại.

Theo bảng 2.4. Nhận thức của học sinh về đối tượng có thể bị xâm hại tình dục. Có 2 học sinh nghĩ chỉ có con trai mới có thể bị xâm hại tình dục trẻ em (chiếm 3,2%, đây là tỉ lệ thấp nhất), có 35 học sinh lại cho rằng xâm hại tình dục trẻ em chỉ diễn ra ở con gái (chiếm 56,2%, đây là tỉ lệ cao nhất), còn lại 25 học sinh lại chọn cả 2 đáp án cả trai và gái đều là đối tượng của xâm hại tình dục trẻ em (chiếm 40%).

Khi được hỏi là: “Em nghĩ những đối tượng nào có thể bị xâm hại tình dục trẻ em?”. Tôi nhận được một số câu trả lời như sau: Học sinh số 18, nữ, lớp 2: “*Chắc chỉ con gái mới bị thôi anh, con trai có cái gì đâu, ai mà đi xâm hại con trai chắc bị bê đê, em cũng không quan tâm đến vấn đề này lắm*”; Học sinh số 20, nữ, lớp 2 trả lời rằng: “*Theo em thì cả con trai và con gái đều bị hết đây*”

anh. Trước em xem trên ti vi ấy có vụ Minh Béo gì đấy xâm hại ở bên nước Mỹ ấy anh, hình như là xâm hại con trai mà, còn con gái em thấy nhiều vụ rồi, ở quê ngoại em ấy hình như cũng có bạn bị rồi hay sao ấy, người kia đi tù rồi”;

Học sinh số 12, nữ, lớp 5 trả lời rằng: “*Cả con trai với con gái đều bị, nhưng em nghĩ là con gái dễ bị hơn, tại vì con gái yếu hơn con trai mà anh, khi bị người khác làm như thế thì con gái không chạy được đâu*”.

Thông qua kết quả bảng 2.4 và phỏng vấn sâu ta có thể thấy: Nhiều học sinh đã hiểu được rằng cả nam và nữ đều có nguy cơ bị xâm hại tình dục, một số bạn đã đưa ra các ví dụ về các vụ việc xảy ra để chứng minh cho suy nghĩ của mình. Điều đó cho thấy rằng học sinh vẫn có sự quan tâm đến các vấn đề xâm hại tình dục trẻ em, khi có đủ kiến thức, thì học sinh sẽ chủ động phòng ngừa, tránh được những hành vi xâm hại của người khác đối với bản thân.

Tuy nhiên, vẫn còn rất nhiều học sinh chưa có những suy nghĩ đúng, thể hiện ở việc có đến 56,6% số học sinh cho rằng những người bị xâm hại tình dục là con gái, đây là tỉ lệ cao nhất. Những suy nghĩ như vậy sẽ khiến cho các học sinh nam thường có suy nghĩ chủ quan hơn học sinh nữ, bởi cho rằng mình không thể trở thành nạn nhân của xâm hại tình dục, và học sinh sẽ không trang bị cho mình những kỹ năng để có thể bảo vệ mình, làm tăng khả năng bị xâm hại hơn.

Những nhận thức sai của các học sinh có thể do một số nguyên nhân như sau: Học sinh không quan tâm đến các tài liệu, các sự việc xâm hại tình dục xảy ra, (Những vụ việc xâm hại tình dục đối với trẻ em là nam xảy ra rất nhiều và gây bức xúc trong xã hội, thường xuyên xuất hiện trên ti vi). Nguyên nhân thứ hai có thể là do cha mẹ không thực sự quan tâm đến ảnh hưởng của xâm hại tình dục đến con em mình, dẫn đến việc bố mẹ không trang bị kiến thức và không chia sẻ với con.

2.3.1.5. Những đối tượng có thể thực hiện hành vi xâm hại tình dục

Bảng 2.5. Nhận thức của học sinh về những đối tượng thực hiện hành vi xâm hại

Đáp án	Tần số (số người chọn)	Tần suất (%)
A. Những người lạ, không quen biết	10	11,3%
B. Hàng xóm, bạn bè, đồng nghiệp bố mẹ	5	8,1
C. Thầy cô	0	4,8
D. Họ hàng (cô gì chú bác....)	2	3,2
E. Ông bà, bố mẹ	0	0
Chọn A và B	8	12,9
Chọn A, B, C	8	12,9
Chọn A, B, C, D	7	11,3
Chọn A, B, C, D, E	22	35,5
Tổng	62	100%

(Nguồn: Khảo sát thực tế)

Những đối tượng xâm hại tình dục trẻ em trông bề ngoài cũng giống như những người bình thường khác. Kẻ xâm hại tình dục trẻ em có thể là bất cứ ai: già hay trẻ, người quen hay không quen, người trong gia đình hay người ngoài gia đình. Trong rất nhiều trường hợp, kẻ lạm dụng chính là người quen thân, thậm chí thành viên trong gia đình, hay người sống trong cùng một khu phố, làng xóm với các em. Ngoài ra, đó cũng có thể là thanh niên mới lớn, nghiện ngập ma túy, rượu bia. Đôi khi, kẻ lạm dụng lại là những người bị bệnh tâm thần, mất ý thức về việc mình làm.

Ta coi trả lời tất cả các đáp án A, B, C, D, E là đúng 100%. Có 22 học sinh chọn đúng cả 5 đáp án (chiếm 35,5%, tỉ lệ cao nhất), có 7 học sinh chọn đúng 4 đáp án (chiếm 11,3%, tỉ lệ thấp nhất), có 8 học sinh chọn đúng 60% (chiếm 12,9%), có 8 học sinh trả lời đúng 40% (chiếm 12,9%), và có 17 học sinh trả lời đúng 20% (chiếm 27,4 %).

Tác giả thực hiện đề tài đặt ra câu hỏi: “Em nghĩ ai có thể thực hiện những hành vi *xâm hại với mình?*”. Tôi đã nhận được một số câu trả lời như sau: Học sinh số 9, nữ, lớp 3 trả lời: “*Theo em chỉ có những người lạ mới muốn hại mình thôi, còn những người thân quen thì không đâu. Ông bà, bố mẹ, cô chú... ai cũng thương em hết*”; Học sinh số 17, nữ, lớp 5 lại có cách nghĩ khác: “*Em thấy ai cũng có thể xâm hại đến mình ấy, nhưng mà bố mẹ là ít có khả năng nhất, em thấy một số vụ như thế rồi, nhưng không phải là bố mẹ ruột đâu, kiểu như bố dượng hay mẹ nuôi ấy ạ*”; Học sinh số 15, nam, lớp 3 trả lời: “*Em thấy người lạ là nguy hiểm nhất, bố mẹ em bảo là khi ra đường thì đừng thừa người lạ*”.

Kết quả bảng 2.5 và câu trả lời của học sinh trong phần phỏng vấn sâu tôi nhận xét rằng: Đa phần học sinh đã hiểu được những đối tượng có thể thực các hiện hành vi xâm hại tình dục trẻ em, điều này được thể hiện ở việc số học sinh trả lời được đúng từ 50% trở lên là cao, chiếm tỉ lệ gần 60% so với các học sinh trả lời đúng dưới 50% chiếm tỉ lệ 40%.

Tuy nhiên tôi nhận thấy một số sai lầm mà học sinh vẫn còn mắc phải khi nói về các đối tượng thực hiện hành vi xâm hại tình dục đó là: Người lạ là đối tượng dễ thực hiện các hành vi xâm hại tình dục nhất. Thầy cô và bố mẹ là những người không bao giờ làm lại đến mình.

Những suy nghĩ như vậy có thể là do gia đình các em cũng chưa nhận thức được đầy đủ tất cả các đối tượng có thể thực hiện hành vi xâm hại tình dục với con em mình, thể hiện ở việc nhiều học sinh trả lời rằng: Bố mẹ thường nói người lạ là người nguy hiểm và không hề nhắc đến những người khác có thể thực hiện hành vi xâm hại tình dục trẻ em.

Học sinh vẫn chưa thực sự quan tâm đến thông tin của vấn đề xâm hại tình dục, năm 2019 vừa qua, có rất nhiều vụ việc thầy cô xâm hại tình dục trẻ em diễn ra. Gây nhiều bức xúc trong xã hội, và được xuất hiện nhiều trên các phương tiện truyền thông đại chúng.

Rất ít các vụ xâm hại tình dục xảy ra với người thực hiện hành vi xâm hại là cha mẹ, nhiều em thường có suy nghĩ: “Bố mẹ thương em lắm và không làm hại em đâu” dẫn đến các em có những suy nghĩ sai lầm như trên.

2.3.2. Những ưu điểm và hạn chế về mặt nhận thức của học sinh Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Đức Xuân về vấn đề xâm hại tình dục trẻ em.

2.3.2.1. Ưu điểm

Một phần học sinh đã hiểu đúng và đầy đủ các kiến thức cơ bản về vấn đề xâm hại tình dục trẻ em như: Các hành vi xâm hại tình dục, các bộ phận riêng tư trên cơ thể, độ tuổi thường bị xâm hại, các đối tượng có thể bị xâm hại tình dục, các đối tượng có thể thực hiện các hành vi xâm hại tình dục với trẻ em.

Nhiều học sinh thường xuyên quan tâm đến các kiến thức về xâm hại tình dục trẻ em thông qua việc các em có tìm hiểu những vụ án về xâm hại tình dục trẻ em ở trong nước và thế giới.

2.3.2.2. Hạn chế

Nhiều học sinh còn có những suy nghĩ chưa đúng, sai lệch hoặc chưa hiểu một cách toàn diện các vấn đề về xâm hại tình dục trẻ em.

2.3.3. Nguyên nhân

Trong quá trình tìm hiểu về nhận thức của học sinh về xâm hại tình dục trẻ em, tôi nhận thấy rằng: Đa phần học sinh đã có những nhận thức đúng đắn về những kiến thức có liên quan đến xâm hại tình dục trẻ em. Tuy nhiên vẫn còn một số học sinh vẫn mắc những nhận thức sai lầm hoặc chưa đầy đủ.

Khi thực hiện khảo sát bằng bảng hỏi với nội dung về mức độ quan tâm của học sinh về các vấn đề liên quan đến xâm hại tình dục trẻ em, tôi có được kết quả như sau:

Bảng 2.6. Mức độ quan tâm về vấn đề xâm hại tình dục trẻ em

Đáp án	Tần số (Số người chọn)	Tần suất (%)
Có	9	14,5
Không	53	85,5
Tổng	62	100%

(Nguồn: khảo sát thực tế)

Trong tổng số 62 học sinh được khảo sát mức độ quan tâm về vấn đề xâm hại tình dục trẻ em, thì có đến 53 học sinh trả lời là không quan tâm (chiếm 85,5%) so với 9 học sinh trả lời là có quan tâm (chiếm 14,5%).

Khi thực hiện khảo sát bằng bảng hỏi về việc thầy cô có hướng dẫn các kiến thức về xâm hại tình dục trẻ em thì nhận được kết quả như sau:

Bảng 2.7. Khảo sát việc thầy cô giáo có hướng dẫn các kiến thức về xâm hại tình dục

Đáp án	Tần số (Số người chọn)	Tần suất (%)
có	6	9,7
Không	56	90,3
Tổng	62	100%

(Nguồn: Khảo sát thực tế)

Theo kết quả của bảng 2.7 ta thấy có đến 56 học sinh trả lời là thầy cô chưa bao giờ hướng dẫn về xâm hại tình dục trẻ em (chiếm 93%) và chỉ có 6 học sinh trả lời là thầy cô có hướng dẫn.

Khi điều tra bằng bảng hỏi về các buổi ngoại khóa có nội dung liên quan đến vấn đề xâm hại tình dục trẻ em tại trường, tôi nhận được kết quả như sau:

Bảng 2.8. Các buổi ngoại khóa với chủ đề xâm hại tình dục trẻ em tại Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Đức Xuân.

Đáp án	Tần số (số người chọn)	Tần suất (%)
Có	0	0
Không	62	100
Tổng	62	100%

(Nguồn: Khảo sát thực tế)

Kết quả bảng 2.8 ta thấy: 100% học sinh đều trả lời rằng: Hiện nay tại trường chưa có buổi ngoại khóa nào có chủ đề về xâm hại tình dục trẻ em.

Thực hiện phỏng vấn sâu với một số học sinh chọn có nhận thức sai hoặc chọn đầy đủ:

36

Khi ngời thực hiện đề tài đưa ra câu hỏi: “Tại sao em lại nghĩ rằng chỉ có bộ phận sinh dục nam và nữ mới là bộ phận riêng tư trên cơ thể?”. Tôi nhận được một số những câu trả lời như sau: Học sinh số 1, nam, lớp 3: “Em nghĩ riêng tư là những thứ mà mình phải che đi, không cho ai thấy, em thường cởi áo mà, họ thấy ngực của em, bố em cũng hay cởi áo, như thế thì ngực không phải rồi, với cả bộ phận sinh dục nam với nữ ấy, người ta hay hiếp dâm ở chỗ đấy thôi. Bố mẹ em cũng chỉ bảo với em là không được cho những người khác động vào chỗ đấy thôi, không nói đến chỗ khác”; Học sinh số 12, nữ, lớp 5: “Em nghĩ thế thôi, chứ em không biết chắc đâu, em không xem trên ti vi, không thấy người ta nói về mấy cái này đâu, nhà em không có VTV6, VTV7 đâu.”

Khi đưa ra câu hỏi: “Tại sao hậu môn lại không phải bộ phận riêng tư trên cơ thể?” Học sinh số 18, nữ, lớp 2 trả lời: “Tại bố mẹ em không nhắc cái đấy, nên em cũng không biết đâu anh”; Học sinh số 15, nam, lớp 3: “Hậu môn bẩn lắm, chả ai thèm động vào mấy chỗ đấy đâu anh, nếu làm gì thì người ta phải động vào những chỗ sạch sẽ chứ”.

Khi tác giả đưa ra câu hỏi: “Theo em độ người dưới 5 tuổi có bị xâm hại tình dục không?": Học sinh số 17, nữ, lớp 5 trả lời: “Em không thấy vụ nào trên ti vi bảo là có ai dưới 5 tuổi bị xâm hại cả, mấy việc này chỉ có mấy anh chị lớn bị thôi”; Học sinh số 3, nữ, lớp 5: “Theo em dưới 5 tuổi còn bé tí, không ai thèm làm gì đâu anh ơi, mà tuổi ấy cũng chả có gì để mà người ta xâm hại”.

Khi đưa ra câu hỏi: “Tại sao chỉ có những người lạ không quen biết mới mới có thể thực hiện hành vi xâm hại tình dục trẻ em?": Học sinh số 9, nữ, lớp 3 trả lời: “Bố mẹ bảo với em như thế, họ bảo với em là con không được nghe theo người lạ đâu, họ cho cái gì cũng không được ăn, họ có ý đồ xấu với mình đấy”.

Khi thực hiện phỏng vấn sâu với câu hỏi là: “Thầy cô giáo ở trường em có ai dạy cho em những kiến thức về xâm hại tình dục trẻ em không?”. Thì nhận được một số câu trả lời của các bạn học sinh như sau: Học sinh số 15, nam, lớp 3 trả lời: “Thầy cô có bao giờ nói mấy cái như này với bọn em đâu”; Học sinh số

18, nữ, lớp 2: “*Em không bao giờ thấy thầy cô nhắc đến những việc thế này cả*”.

Từ những kết quả nhọ trên, tôi rút ra những nguyên dẫn đến việc học sinh vẫn có những nhận thức chọa đúng hoặc chọa đầy đủ nhọ sau:

Phía học sinh:

Tất cả đều là học sinh bậc tiểu học và trung học cơ sở, độ tuổi từ 6 đến 15 tuổi, nên khả năng nhận thức và tọy duy còn chọa cao dẫn đến việc các em chọa hiểu đọy đúng và đầy đủ.

Học sinh vẫn chọa có sự quan tâm đến vấn đề xâm hại tình dục trẻ em.

Tất cả học sinh đều là người dân tộc thiểu số, sống ở địa phọyng: Xã Đức Xuân, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng là một xã còn nhiều điều kiện khó khăn, các em ít đọy tiếp cận đến các phọyng tiện truyền thông đại chúng nhọ ti vi, Internet, dẫn đến việc các em thiếu các nguồn thông tin về xâm hại tình dục trẻ em.

Phía gia đình: Gia đình vẫn chọa có những nhận thức đúng dẫn và đầy đủ về xâm hại tình dục trẻ em dẫn đến vệc khi bố mẹ truyền đạt, chia sẻ hoặc giáo dục các em cũng chọa đúng và đầy đủ.

Nhà trường: Thầy cô giáo chọa có sự quan tâm, chia sẻ và họyng dẫn cho học sinh những kiến thức liên quan đến xâm hại tình dục trẻ em.

Cơ quan, tổ chức liên quan: Chọa có sự quan tâm của các cơ quan liên quan (công an, bác sĩ, thầy cô dạy kỹ năng sống, chính quyền địa phọyng...) để tổ chức các buổi tuyên truyền, nâng cao nhận thức của học sinh về vấn đề xâm hại tình dục trẻ em.



2.4. Thực trạng về kỹ năng của học sinh về phòng chống xâm hại tình dục trẻ em tại Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Đức Xuân.

2.4.1. Kỹ năng

2.4.1.1. Động chạm vào các bộ phận riêng tư trên cơ thể

Khi đưa ra câu hỏi “Các em sẽ làm gì khi bị người khác động chạm vào các bộ phận riêng tư trên cơ thể”. Ta được kết quả như sau

Bảng 2.9. Khảo sát về việc học sinh sẽ làm gì khi bị người khác động vào bộ phận riêng tư.

Đáp án	Tần số (Số người chọn)	Tần suất (%)
A. Hét lên	8	12,9
B. Im lặng	0	0
C. Chạy đi báo cho người lớn	31	50
D. Khóc	4	6,5
E. Khác	1	1,6
Chọn A và C	18	29
Tổng	62	100%

(Nguồn: Khảo sát thực tế)

Thông qua bảng 2.9 ta có thể thấy được các kết quả như sau: Có 8 học sinh sẽ hét lên (chiếm tỉ lệ 12,9%), có 31 học sinh chạy đi báo cho người lớn (chiếm tỉ lệ 50%, tỉ lệ cao nhất), có 4 học sinh sẽ khóc lên (chiếm tỉ lệ 6,5%), có 1 học sinh sẽ chọn các hành động khác đó là: “Mắng cho người đấy” và có 18 học sinh sẽ la hét rồi chạy đi báo cho người lớn (chiếm tỉ lệ 29%).

Khi tác giả đề tài đưa ra câu hỏi: “Khi bị người khác động chạm vào bộ phận riêng tư thì em sẽ làm gì?”. Tôi nhận được một số câu trả lời như sau: Học sinh số 14, nữ, lớp 1 trả lời rằng: “Nếu mà họ động vào chỗ đấy của em, em sẽ chạy đi, không cho họ động vào nữa, chạy đi báo cho bố mẹ, cho ông bà ấy”;

Học sinh số 14, nữ, lớp 2 trả lời rằng: “*Lúc đấy em sẽ kêu lên cho mọi người xung quanh biết là họ đang động chạm vào người em, lúc đấy họ sẽ sợ, rồi họ*

không làm gì em nữa”; Học sinh số 5, nữ, lớp 1: “Lúc đấy em khóc lên, em sợ lắm, em không biết phải làm như thế nào cả”.

Qua bảng khảo sát và qua phỏng vấn sâu tôi nhận xét rằng: Gần như tất cả học sinh khi bị người khác động vào các bộ phận riêng tư trên cơ thể đều có những hành động để tự bảo vệ cho bản thân. Số học sinh sẽ chạy đi và báo cho người lớn là cao nhất, chiếm 50% và không có học sinh nào chọn cách im lặng. Khi hành động như vậy thì học sinh sẽ tránh được các hành vi xâm hại xảy ra đối với mình.

Tuy nhiên vẫn còn một số học sinh sẽ khóc. Khóc là một hành động bình thường để thể hiện sự lo sợ, sợ hãi của các em nhỏ, ở trong trường hợp bị xâm hại tình dục thì khóc cũng là một hành động để bảo vệ bản thân, nhưng cách này không thực sự hiệu quả. Ở nhiều trường hợp, khi trẻ khóc, các đối tượng vẫn tiếp tục thực hiện các hành vi đó.

2.4.1.2. Người lạ đưa về nhà

Bảng 2.10. Khảo sát về việc học sinh sẽ làm gì nếu người lạ đón về nhà

Đáp án	Tần số (Số người chọn)	Tần suất (%)
A. Về nhà cùng	4	6,6
B. Không về cùng	18	22,6
C. Gọi điện thoại hỏi ý kiến bố mẹ	21	33,9
D. Khác	2	9,7
Chọn cả B và C	17	27,5
Tổng	62	100%

(Nguồn: Khảo sát thực tế)

Theo như bảng 2.10 ta thấy: Có 4 học sinh sẽ về cùng (chiếm 6,6%), 18 học sinh khác lại không về theo người lạ (chiếm 22,6%), có 21 học sinh sẽ gọi điện thoại hỏi ý kiến bố mẹ (chiếm 33,9%, đây là tỉ lệ cao nhất), 2 học sinh sẽ giải quyết bằng cách khác (chiếm 9,7%) cách mà các bạn đưa ra là: “Tự về nhà”, có 17 học sinh sẽ hét lên và chạy đi báo cho bố mẹ.

Khi đặt câu hỏi “Nếu người lạ rủ về nhà họ chơi thì em sẽ làm gì?": Học

sinh số 2, nam, lớp 3 trả lời: “*Nếu bố mẹ không đón em về được, mà cô chú rủ về nhà, thì em cũng không về với cô chú đâu, em tự đi bộ về, không thì em về với các bạn cùng lớp ấy anh, có nhiều bạn gần nhà em mà, bố mẹ bảo với em là: Con không được đi với người lạ đâu, nếu đi em sợ bố mẹ đánh lắm*”; Học sinh số 3, nam, lớp 4 trả lời rằng: “*Em không đi về nhà với cô chú ấy đâu, mình có quen họ đâu, mà mình đi đâu cũng không có ai chơi với, chán lắm, em chỉ qua nhà người quen thôi, như cô chú, anh chị ấy*”; Học sinh số 11, nữ, lớp 5 lại nói: “*Em sẽ gọi điện để hỏi ý kiến của bố mẹ, nếu bố mẹ cho đi thì em đi, còn không thì em không đi đâu*”.

Đa phần học sinh đã tìm được những biện pháp tốt nhất để tự bảo vệ cho bản thân mình, với việc không đi theo về nhà người lạ, thay vào đó là chọn những giải pháp như gọi điện để hỏi ý kiến bố mẹ, hoặc là tự về nhà mình. Đây là hành động đúng để có thể tự bảo vệ bản thân mình.

Phần lớn, những kỹ năng mà học sinh có là do đã được những người trong gia đình hướng dẫn.

Tuy nhiên một số ít bạn vẫn chọn phương án là về theo người lạ (4 bạn, chiếm 6,6%), việc thiếu kỹ năng như vậy có thể là vì học sinh nhỏ tuổi, và còn chưa có những hiểu suy nghĩ về hậu quả có thể xảy ra khi về nhà cùng người lạ.

2.4.1.3. Chụp lại các bộ phận riêng tư

Khi hỏi học sinh về việc: “*Các em có cho người khác chụp lại các bộ phận riêng tư của mình không*”. Tôi có được kết quả như sau:

Bảng 2.11. Khảo sát về việc học sinh có người khác chụp lại các bộ phận riêng tư

Đáp án	Tần số (Số người chọn)	Tần suất (%)
Có	0	0
Không	62	100
Tổng	62	100%

(Nguồn: Khảo sát thực tế)

Học sinh số 17, nữ, lớp 5: “Em không cho người khác chụp ảnh lại đâu, đã gọi là riêng tư thì cho người khác xem làm gì ạ, những người mà muốn muốn chụp mấy cái đấy chắc biến thái lắm ạ”; Học sinh số 15, nữ, lớp 5: “Động vào mình còn không cho, nói gì là chụp ảnh, bố mẹ em bảo là ngoài bố mẹ ra thì không được ai nhìn vào chỗ đấy, trừ khi là con bị ốm, phải đi bệnh viện”.

Theo nhọy bảng khảo sát và kết quả phỏng vấn sâu. Ta có thể thấy rằng cả 62 học sinh (chiếm 100%) đều trả lời là không, và không có học sinh nào cho người khác chụp ảnh lại các bộ phận riêng tư của mình. Đây là một con số thể hiện rằng tất cả học sinh đã hiểu rõ đọợc tầm quan trọng của các bộ phận riêng tư trên cơ thể, khi không cho ai chụp ảnh các bộ phận riêng tư của mình khi đó đã tự bảo vệ mình.

2.4.1.4. Động vào bộ phận riêng tư của người khác

Bảng 2.12. Khảo sát về việc học sinh có đọợc động vào các bộ phận riêng tư của người khác

Đáp án	Tần số (Số người chọn)	Tần suất (%)
có	0	0
Không	62	100%
Tổng	62	100%

(Nguồn: Khảo sát thực tế)

Khi đọợa ra câu hỏi: “Các em có đọợc phép động vào bộ phận riêng tư của người khác không?”. Tôi nhận đọợc mộ số câu trả lời nhọy sau: Học sinh số 20, nữ, lớp 2: “Người khác không đọợc động vào của mình thì chắc là mình cũng không đọợc động vào của người khác đâu anh nhỉ? Mà kể có có đọợc động em cũng không động vào đâu, mấy chỗ đấy bản lắm”; Học sinh số 16, Nữ, lớp 2: “Nhiều lúc em nghịch nhau với các bạn, em cũng lỡ động vào, nhưng mà em không cố ý đâu, môn sinh học ở trường cũng nói rồi mà không đọợc ai động chạm vào bộ phận riêng tư của người khác ạ”.

Theo nhọy bảng khảo sát và phỏng vấn sâu, tất cả 62 học sinh cho rằng

không đợc đợng vào các bộ phận riêng tợ của người khác. Khi có những hiểu biết nhỏ vậy, học sinh sẽ không thực hiện những hành vi xâm hại tình dục đến các bạn khác.

2.4.2. Nhận xét về kỹ năng của học sinh Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Đức Xuân về phòng chống xâm hại tình dục trẻ em

2.4.2.1. Ưu điểm

Nhìn chung, gần như tất cả các học sinh tại trường đều có những kỹ năng cơ bản để phòng chống xâm hại tình dục trẻ em, khi có những hành vi xâm hại xảy ra với mình, các em đều có những hành động khác nhau để có thể tự bảo vệ cho mình.

Một số học sinh đã quan tâm đến các sự việc, vụ án về xâm hại tình dục trẻ em.

2.4.2.2. Hạn chế

Vẫn còn một số ít học sinh vẫn chưa có các cách giải quyết hoặc giải quyết chưa thật sự tốt. Vì vậy khi gặp các tình huống ngoài thực tế, các em sẽ gặp nguy hiểm.

2.4.3. Nguyên nhân

Qua kết quả của cuộc khảo sát về kỹ năng phòng chống xâm hại tình dục trẻ em của trường Tiểu học và Trung học cơ sở Đức Xuân, tôi nhận thấy rằng: Phần lớn tất cả học sinh đều có những kỹ năng để tự bảo vệ mình tránh khỏi các hành vi xâm hại tình dục trẻ em, tuy nhiên vẫn còn một số ít học sinh vẫn chưa có kỹ năng cần thiết để tự bảo vệ mình.

Khi tác giả đề tài đưa ra câu hỏi: “*Tại sao khi người khác động chạm vào bộ phận riêng tư trên cơ thể thì em lại lựa chọn việc hét lên và chạy đi báo cho người lớn?*”. Tôi có đợc các câu trả lời của các học sinh nhỏ sau: Học sinh số 1, nam, lớp 3 trả lời rằng: “*Bố mẹ với anh chị em bảo như thế, khi mà người ta động chạm đến những chỗ đấy thì mình phải hét hét rồi đi báo với người lớn ngay, không là*

người tai hại mình”; Học sinh số 7, nam, lớp 5: *“Em thấy mấy cái này trên ti vi một, hai lần gì đấy rồi anh, trên VTV6 ấy thì phải, họ nói như vậy mà”.*

Với một số bạn chọn có những kỹ năng để bảo vệ bản thân.

Khi tác giả đề tài đưa ra câu hỏi: “*Khi bị người khác động vào bộ phận riêng tư thì vì sao em lại khóc?*”: Học sinh số 5, nữ, lớp 1: “*Lúc đấy em chỉ biết khóc thôi, em sợ lắm, không dám làm gì đâu, em sợ họ đánh em.*”

Khi được hỏi là: “*Tại sao khi người lạ đón em về nhà thì em lại không về cùng với gọi điện hỏi cho bố mẹ?*”; Học sinh số 15, nữ, lớp 5: “*Em tự nghĩ như thế thôi anh ơi, tại bố mẹ bảo với em là không được nghe theo lời người lạ ấy*”; Học sinh số 3, nam, lớp 4: “*Em sợ người ta có ý đồ xấu với mình anh ơi, sợ người ta bán mình đi ấy, họ mà làm gì mình thì sao mình biết được*”.

Khi được hỏi là: “*Tại sao em lại không cho người khác chụp ảnh bộ phận riêng tư của em?*”; Học sinh số 14, nữ, lớp 2 trả lời rằng: “*Nếu riêng tư thì là của riêng mình mà, không cho người khác xem với chụp ảnh đâu, mấy cái chỗ ấy thì hồi trước em còn nhỏ ấy, bố mẹ hay tắm cho em, nên bố mẹ còn động vào được, bây giờ em lớn rồi em lớn rồi, em cũng không cho bố mẹ xem nữa đâu*”.

Khi đưa ra câu hỏi: “*Tại sao em lại không được động chạm vào bộ phận riêng tư của người khác?*” thì nhận được những câu trả lời như sau: Học sinh số 11, nữ, lớp 5: “*Nếu mà họ không được động vào của mình thì chắc mình cũng không được động vào của họ đâu anh ơi, mà động vào mấy cái chỗ đấy làm gì được, các bạn khác còn đánh cho mình ấy*”; Học sinh số 20, nữ, lớp 2: “*Cho em động thì em cũng không thêm động vào đâu anh ơi, mấy chỗ đấy bẩn lắm*”.

Từ những câu trả lời của học sinh, tôi đưa ra kết luận: Các học sinh có được những kỹ năng cơ bản để bảo vệ mình tránh khỏi xâm hại tình dục từ hai lý do sau đây:

Bản thân Học sinh: Đã tự nhận thức được các hành vi xâm hại trẻ em ảnh hưởng đến bản thân và tự tìm cách để thoát khỏi những hành vi đó.

Gia đình: Bố mẹ và anh chị là những người quan tâm các em nhất, đã có những hướng dẫn, dạy cho học sinh những kỹ năng cơ bản để các em không bị

ngươi khác làm hại, khi học sinh có những kỹ năng như vậy thì cha mẹ sẽ bớt lo lắng vì việc con em mình có thể bị người khác lợi dụng và xâm hại, còn bản

thân các em ngoài việc có thể tránh được những sự việc xâm hại tình dục đối với mình, mà còn có thể tránh được những vấn đề xã hội khác như: lạm dụng trẻ em, bạo hành trẻ em, buôn bán trẻ em...

Một số ít bạn chưa có được những kỹ năng cần thiết bởi những lí do sau đây: Chủ yếu là những học sinh còn nhỏ tuổi lớp 1, lớp 2. Khi bị người khác lợi dụng, hoặc lừa gạt, các em chưa đủ khả năng để nhận thức về việc các em có thể bị các đối tượng khác thực hiện hành vi xấu với mình, ngoài ra với lứa tuổi của mình, các em còn nhút nhát, lo sợ, không dám làm gì để phản kháng lại.



Chương 3

GIAI PHÁP TRONG VIỆC NÂNG CAO NHẬN THỨC VÀ KỸ NĂNG CỦA HỌC SINH VỀ PHÒNG CHỐNG XÂM HẠI TÌNH DỤC TRẺ EM TẠI TRƯỜNG TIỂU HỌC VÀ TRUNG HỌC CƠ SỞ ĐỨC XUÂN

Thông qua khảo sát về tình hình nhận thức và kỹ năng phòng chống xâm hại tình dục trẻ em tại trường Tiểu học và Trung học cơ sở Đức Xuân tôi xin đề xuất một số giải pháp như sau:

3.1. Thực hiện các hoạt động tuyên truyền về vấn đề xâm hại tình dục trẻ em

Tuyên truyền là một hình thức của truyền thông, thông qua việc đưa ra các thông tin của vấn đề nào đó, nhằm mục đích hướng những người khác đến những suy nghĩ, nhận thức theo hướng mà người nêu thông tin mong muốn.

Để nâng cao nhận thức và kỹ năng của học sinh về xâm hại tình dục trẻ em thì việc tuyên truyền là hoạt động không thể thiếu.

Việc tuyên truyền phải được thực hiện ở 3 đối tượng là: Học sinh, gia đình, và nhà trường thì mới hiệu quả.

3.1.1. Học sinh

Nội dung: Cần tuyên truyền cho học sinh hiểu đúng được các nội dung cơ bản của xâm hại tình dục trẻ em bao gồm: Thế nào là xâm hại tình dục trẻ em?, những hành vi nào được coi là xâm hại tình dục trẻ em?, các đối tượng có thể thực hiện hành vi xâm hại tình dục trẻ em, ảnh hưởng của xâm hại tình dục trẻ em đối với bản thân học sinh; Và một số nội dung về kỹ năng xâm hại tình dục trẻ: Dạy học sinh về giới tính và các vùng nhạy cảm, không cho người khác chạm vào vùng nhạy cảm, không chạm vào vùng nhạy cảm của người khác, tránh xa người lạ mặt, không cho người lạ mặt vào nhà, báo ngay cho cha mẹ khi trẻ bị đe dọa hoặc không thích bất kỳ người nào, dạy học sinh cách chạy thật nhanh hoặc nhờ sự giúp đỡ của người khác.

Hình thức tuyên truyền:

Tuyên truyền bằng tờ rơi, các tấm băng rôn, khẩu hiệu, biển quảng cáo.

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Tuyên truyền bằng đài phát thanh tại xã, tại thôn.

Mở các lớp dạy các kiến thức về xâm hại tình dục trẻ em.

Tổ chức các buổi ngoại khóa vào thứ bảy hoặc chủ nhật hằng tuần nói về xâm hại tình dục trẻ em.

3.1.2. Gia đình

Nội dung: Tuyên truyền cho các bậc phụ huynh có nhận thức đúng đắn về tầm ảnh hưởng của xâm hại tình dục trẻ em đối với con em mình và các kỹ năng để con có thể tự vệ khi bị xâm hại. Một số nội dung cơ bản của vấn đề bao gồm: Những hành vi xâm hại tình dục trẻ em, các đối tượng có thể gây nên hành vi xâm hại tình dục trẻ em, những dấu hiệu của trẻ khi bị xâm hại tình dục (về mặt thể chất lẫn tinh thần), những cách để tìm hiểu thông tin từ con, cách để chia sẻ với con, hướng dẫn cho con, đâu là bộ phận nhạy cảm của mình, cách giao tiếp, cách ứng xử với người lạ, khi bị người khác động chạm đến vùng riêng tư thì con sẽ làm như thế nào?... Từ đó các con sẽ có thêm các kiến thức và kỹ năng cho bản thân.

Hình thức tuyên truyền:

Tuyên truyền bằng tờ rơi, băng rôn, khẩu hiệu, biển quảng cáo.

Tuyên truyền bằng đài phát thanh.

Tổ chức các buổi họp phụ huynh, trong các buổi đó có lồng ghép tuyên truyền về xâm hại tình dục trẻ em.

3.1.3. Nhà trường

Nội dung: Tuyên truyền đến các thầy cô giáo những ảnh hưởng của xâm hại tình dục trẻ em đến học sinh, những biểu hiện của trẻ khi bị xâm hại tình dục, cách để tìm hiểu thông tin từ học sinh, và hướng cho giáo viên, thay vì việc chỉ dạy các kiến thức về môn học, giáo viên có thể lồng ghép các kiến thức và kỹ năng về xâm hại tình dục vào nội dung bài giảng của mình.

Hình thức tuyên truyền: Mở các lớp tập huấn cho giáo viên về xâm hại tình dục trẻ em.

Khi cả 2 đối tượng là gia đình và nhà trường đã có những nhận thức đúng đắn về tầm quan trọng của việc phòng chống xâm hại tình dục trẻ em thì từ đó họ sẽ quan tâm đến con em mình nhiều hơn, và có những biện pháp cần thiết để nâng cao nhận thức và kỹ năng của con em mình.

3.2. Lồng ghép những kiến thức và kỹ năng về xâm hại tình dục trẻ em vào các môn học chính khóa

Trong quá trình khảo sát khi đưa ra câu hỏi: “có môn học nào ở trường có nội dung đề cập đến xâm hại tình dục trẻ em không?”. Thì được kết quả như sau:

Bảng 3.1. Khảo sát về các môn học có nội dung liên quan đến xâm hại tình dục trẻ em

Đáp án	Tần số (Số người chọn)	Tần suất (%)
Có	48	77,4
Không	14	22,6
Tổng	62	100%

(Nguồn: Khảo sát thực tế)

Theo như bảng khảo sát ta có thể thấy rằng: Có 48 học sinh trả lời là có (chiếm 77,4%) và 14 học sinh trả lời là không (chiếm 22,6%). Có 2 môn học có nội dung về xâm hại tình dục trẻ em đó là giáo dục công dân và sinh học, con số này còn nhỏ so với số lượng các môn học ở trường, thêm nữa là cách dạy của giáo viên hiện nay chưa tạo hứng thú cho học sinh, khiến cho nhiều bạn đã học xong những nội dung của bài mà vẫn không biết là có những kiến thức về xâm hại tình dục trẻ em.

Chính vì vậy giáo viên cần có những thay đổi về nội dung giảng dạy, để tạo hứng thú cho các bạn học sinh, có thể lồng ghép các kiến thức về xâm hại tình dục trẻ em vào các môn học chính khóa như:

Tập trung (chào cờ): Có thể kết nối với các giáo viên giảng dạy về kỹ năng sống, các nhà tâm lý, hoặc các cơ quan nhọt công an, bác sĩ đến trường để tổ chức các buổi thuyết trình, dạy các kiến thức về xâm hại tình dục trẻ em.

Sinh học: Hướng dẫn cho học sinh đâu là vùng riêng tọt trên cơ thể mình, không cho người khác đợc đụng chạm hoặc bản thân các em không đợc đụng chạm đến những vùng riêng tọt của bạn khác,...

Giáo dục công dân: Hướng dẫn cho học sinh biết các hành vi xâm hại tình dục trẻ em Như: Áu dâm, cưỡng dâm, dâm ô, giao cấu, sử dụng trẻ vào các hành vi khiêu dâm, những hậu quả của xâm hại tình dục trẻ em đến trẻ em (hậu quả về tâm lý, hậu quả về thể chất...), các điều luật liên quan đến xâm hại tình dục trẻ em.

Ngữ Văn: Trong môn ngữ văn phần Tiếng Việt (học về các loại từ, các phép sử dụng từ trong câu...), giáo viên có thể đợa ra các nội dung về xâm hại tình dục trẻ em làm ví dụ.

Ngoại ngữ: Đợa các bài đợc có nội về xâm hại tình dục làm ví dụ để học sinh dịch bài

Thể dục: Thêm các bài học, các nội dung về võ, các lớp dạy về kỹ năng tự bảo vệ bản thân cho học sinh.

Âm nhạc: Đợa ra một số bài hát về kỹ năng phòng chống xâm hại tình dục trẻ em để học sinh có thể học thuộc, ví dụ bài hát “5 ngón tay”, qua bài hát, học sinh sẽ nhớ đợc lâu hơn.

Mỹ thuật: Có thêm một số nội dung như vẽ tranh về đề tài xâm hại tình dục

3.3. Tổ chức các cuộc thi về chủ đề xâm hại tình dục trẻ em thông qua các hình thức khác nhau

Các ban ngành, các tổ chức liên quan có thể tổ chức các cuộc thi với chủ đề là xâm hại tình dục trẻ em thông qua các hình thức như vẽ tranh, diễn diễn kịch, làm video. Với các cách thức khác nhau:

Tại trường: Tổ chức các cuộc thi tìm hiểu về xâm hại tình dục trẻ em, chia thành các đội thi khác nhau, phần thi sẽ bao gồm các nội dung như: Hoạt động văn

nghệ; Phần thi tìm hiểu kiến thức về phòng chống xâm hại tình dục với nội dung là trả lời các câu hỏi trắc nghiệm; Phần thi diễn kịch: Các đội sẽ thực hiện

một vở kịch với các tình huống về các kỹ năng phòng chống xâm hại tình dục. Chọn ra đội chiến thắng và trao giải, phần quà được trao phải có giá trị đối với học sinh, để các em có được động lực và tinh thần tham gia cao hơn.

Tổ chức các cuộc thi bằng hình thức online (qua facebook, zalo, hoặc qua các hộp thư thực tuyến...) để các em có thể tham gia.

3.4. Thành lập câu lạc bộ tại trường về nội dung phòng chống xâm hại tình dục

Câu lạc bộ tại trường được thành lập, học sinh các lớp và các thầy cô đều được tham gia. Câu lạc bộ cần có cách thức hoạt động một cách rõ ràng như đưa ra những nguyên tắc, phân chia trường nhóm và phó nhóm, và có quy định riêng.

Hàng tuần trường câu lạc bộ sẽ tổ chức một buổi offline, mọi người có cơ hội được nói chuyện cùng nhau, chia sẻ với các kiến thức của bản thân, hoặc chia sẻ các cuốn sách, các chương trình trên ti vi mà mình hay xem có nội dung về xâm hại tình dục trẻ em và các nội dung về vấn đề xã hội khác.

Các thành viên trong câu lạc bộ cũng có thể tổ chức các hoạt động như liên hoan văn nghệ, diễn kịch, chuẩn bị các bài thuyết trình,... biểu diễn trong các buổi tập trung tại nhà trường để mọi người cùng có thêm các kiến thức và kỹ năng.

Thông qua các câu lạc bộ, các em không chỉ có thêm các kiến thức mà các em còn có thể nâng cao khả năng giao tiếp, thắt chặt mối quan hệ giữa mọi người với nhau hơn, đối với nhóm trường thì các em học được thêm kỹ năng lãnh đạo.

3.5. Mở các lớp học võ, câu lạc bộ võ tại địa phương

Khi tìm hiểu về những mong muốn của các bạn học sinh để nâng cao các kỹ năng phòng chống xâm hại tình dục trẻ em. Tôi có được những kết quả như sau:

Bảng 3.2. Khảo sát về mong muốn của học sinh để nâng cao kỹ năng phòng chống xâm hại tình dục trẻ em

Đáp án	Tần số (Số lượt chọn)	(Tần suất) (%)
Giáo viên giảng dạy	43	37.7
Bố mẹ quan tâm chia sẻ	38	33.3
Được bố mẹ cho học võ, Tham gia các lớp võ thuật	33	28.9
Tổng	114	100%

(Nguồn: Khảo sát thực tế)

Ta có thể thấy, có đến 33 lượt chọn là muốn được bố mẹ tham gia vào các lớp học võ thuật.

Võ là một cách thức hiệu quả để học sinh có thể tự bảo vệ bản thân và có thể bảo vệ những người khác. Ngoài ra, học võ cũng nâng cao sức khỏe của bản thân. Những người biết võ thường có khả năng tránh được việc bị người khác xâm hại tình dục hơn người không học.

Hiện nay tại địa phương, chưa có một lớp dạy võ hay một câu lạc bộ võ nào, vì vậy cần có sự quan tâm của các đối tượng có liên quan như: Các tổ chức bảo vệ trẻ em hay công an, quân đội, và những người biết võ ở địa phương.

Khi lớp dạy võ đã được mở, có thể phân chia các lớp theo lứa tuổi dạy các em vào các buổi tối để các em vừa có thời gian để học trên lớp, vừa có thời gian để các em còn tham gia.

3.6. Xây dựng phòng công tác xã hội

Ở trường học, thầy cô thường dạy cho học sinh cái “chữ” hớng cho học sinh đến những kiến thức có trong sách vở theo từng môn học, học sinh học theo hớng tiếp nhận và bị động. Trong khi đó các em ở độ tuổi tiểu học và trung học bắt đầu có sự phát triển về mặt sinh học, tâm lý và nhận thức có sự thay đổi, mà thầy cô và gia đình lại ít quan tâm đến những thay đổi đó, dẫn đến việc nhiều em

cảm thấy bị bơ vơ, không có nơi để chia sẻ về những vấn đề mà mình đang gặp phải. Các em không được học, hoặc không được hướng dẫn về các vấn đề xã hội

có thể gây ảnh hưởng đến bản thân như vấn đề xâm hại tình dục trẻ em dẫn đến nhận thức và kỹ năng của các các bạn học sinh còn kém.

Phòng công tác xã hội là một phòng ban có nhiệm vụ quan trọng trong trường học, nó cung cấp cho các em nơi để chia sẻ, nơi để học hỏi các kiến thức bên ngoài các môn học, nơi để nhận sự giúp đỡ khi các em có những vấn đề, có thể nói phòng công tác xã hội là nơi để giúp mối quan hệ giữa nhà trường và học sinh diễn ra từ cả 2 phía: Học sinh có thể tiếp nhận được các kiến thức từ thầy cô giáo, đồng thời các em cũng có thể chủ động chia sẻ các vấn đề mình đang gặp phải với thầy cô.

Ngoài tham vấn, tụi vấn các em học sinh, nhân viên công tác xã hội còn có thể chủ động tụi vấn cho phụ huynh để giải đáp các thắc mắc, băn khoăn về sự thay đổi tâm lý của con mình. Thông qua hoạt động tụi vấn, tham vấn giúp học sinh có thể hiểu được bố mẹ mình và ngược lại bố mẹ cũng có thể hiểu được suy nghĩ, tâm lý của con em mình hơn.

Tuy vậy, ở Việt Nam hiện nay thì ngành công tác xã hội nói chung và công tác xã hội trong trường học nói riêng vẫn còn chưa được vẫn còn chưa phát triển, rất ít trường có phòng công tác xã hội, đặc biệt là những trường vùng sâu vùng xa lại càng thiếu.

Khi phòng công tác xã hội được lập ra, các nhân viên công tác xã hội thực hiện tốt các vai trò của mình để giúp đỡ học sinh trong việc nâng cao nhận thức và kỹ năng về phòng tránh xâm hại tình dục trẻ em.

* Vai trò kết nối nguồn lực

Nhân viên công tác xã hội có vai trò để kết nối nguồn lực để giúp học sinh có thể nâng cao nhận thức và kỹ năng về xâm hại tình dục.

Kết nối học sinh với phụ huynh:

Nhân viên công tác xã hội kết nối đến các bậc phụ huynh, thông qua các buổi tham vấn tâm lý, chia sẻ suy nghĩ và đưa ra các vấn đề mà các em học sinh

đang gặp phải, hướng cho các bậc cha mẹ quan tâm đến con cái mình hơn, hướng dẫn cho học sinh các kiến thức và các kỹ năng về phòng chống xâm hại

tình dục trẻ em. Ngoài ra, khi các em bị xâm hại tình dục, các bậc phụ huynh sẽ trở thành những chỗ dựa mà các em có thể tin cậy vào thay vì việc phải lo sợ, không dám nói ra.

Kết nối học sinh với giáo viên:

Kết nối học sinh với giáo viên thông qua việc đề xuất các giải pháp nhằm đọa đội dung về phòng chống xâm hại tình dục vào các môn học, từ đây học sinh có thêm các nguồn để tiếp cận thông tin.

Cho thầy cô giáo biết đọợc những tâm toạ, suy nghĩ của học sinh với thầy cô giáo nhằm giúp thầy cô hiểu các em hơn.

Kết nối giáo viên đến những người có chuyên môn về xâm hại tình dục trẻ em:

Nhân viên công tác xã hội kết nối những tổ chức, những cá nhân có chuyên môn về xâm hại tình dục trẻ em, tổ chức các buổi tập huấn để giáo viên có thêm các kiến thức. Từ đó, các giáo viên sẽ lại truyền dạy cho học sinh của mình.

Kết nối học sinh với các tổ chức, cơ quan chức năng:

Khi học sinh chưa có các kiến thức và kỹ năng về xâm hại tình dục trẻ em: Có thể kết nối đến các cơ quan nhọ công an, các giáo viên dạy kỹ năng sống, các tổ chức bảo vệ trẻ em đến trường để tổ chức các buổi tuyên truyền, dạy các kiến thức và kỹ năng phòng chống xâm hại tình dục.

Khi học sinh đã bị xâm hại tình dục: Đầu tiên nhân viên công tác xã hội sẽ kết nối đến các cơ, các bác sĩ tâm lý, để hỗ trợ các em về mặt tâm lý, giúp các em tránh khỏi một số vấn đề nhọ tự kỉ, trầm cảm hoặc tự tử.

Kết nối học sinh đến các tài liệu:

Nhân viên công tác xã hội xây dựng tủ sách tại trường, tìm kiếm các tài liệu về xâm hại tình dục trẻ em nhọ các cuốn sách, các cuốn sổ tay, các video có chủ đề về xâm hại tình dục trẻ em hoặc những vấn đề xã hội khác để, ... để học sinh có thể tự tìm hiểu.

*** Vai trò giáo dục**

Giáo dục là một quá trình mà trong đó, kỹ năng và kinh nghiệm của một người hay một nhóm người này được truyền tải một cách tự nhiên mà không hề áp đặt sang một người hay một nhóm người khác thông qua giảng dạy.

Theo nhọ thuyết nhu cầu của Maslow, sau khi có đầy đủ nhu cầu về sinh học thì họ sẽ hướng đến nhu cầu thứ 2 là nhu cầu an toàn, trẻ em cũng cần được bảo vệ trước các hành vi ảnh hưởng đến sức khỏe và danh dự của mình, vì vậy trẻ cần được giáo dục một cách đầy đủ.

Theo thuyết hành vi, khi các em không được giáo dục, không có sự hiểu biết về xâm hại tình dục trẻ em, các em có thể trở thành nạn nhân, hoặc khi trẻ em gặp những hành vi xâm hại tình dục, các em có thể thực hiện những hành vi đó với các bạn khác, ảnh hưởng lớn đến xã hội.

Nhân viên công tác xã hội đóng vai trò là là người giáo dục, cung cấp các kiến thức và các kỹ năng phòng chống xâm hại tình dục trẻ em.

Với môi trường là trường học, có thể tổ chức các buổi giảng dạy, với nhiều phương pháp khác nhau, nhân viên công tác xã hội linh hoạt để kiến thức có thể tiếp cận với trẻ một cách hiệu quả nhất, loại bỏ được những e dè của học sinh và cả những e dè của bản thân nhân viên công tác xã hội, cần đi sâu vào những vấn đề, tuy nhiên, lại không được có nội dung theo hướng phản cảm với học sinh. Thúc đẩy tinh thần tham gia của học sinh qua từng hoạt động, đưa ra những câu hỏi về xâm hại tình dục nhọ: Theo em, thế nào là xâm hại tình dục?, ai là người có thể thực hiện hành vi xâm hại tình dục trẻ em?, em nghĩ đâu là bộ phận nhạy cảm trên cơ thể?, hoặc đưa ra một số câu hỏi tình huống nhọ: Nếu người lạ rủ em về nhà thì em sẽ làm gì?, nếu người lạ động chạm vào bộ phận riêng tư trên cơ thể của mình thì em sẽ làm nhọ thế nào?. Có thể tiến hành các buổi thực hành các vấn đề liên quan nhọ sắm vai, xử lý tình huống. Những hoạt động nhọ vậy sẽ giúp cho học sinh có thể bày tỏ và thể hiện được quan điểm, suy nghĩ của riêng mình, đồng thời biết được những hiểu biết và kỹ năng xâm hại tình dục mà các em đang có. Cần tạo một không khí vui vẻ, thoải mái,

cho các em tham gia một cách tích cực và sôi động, từ đây học sinh có thể nhớ lâu những và có thể áp dụng được vào thực tiễn.

Là nhân viên công tác xã hội, khi học sinh có những hiểu biết chưa đúng hoặc sai lệch về xâm hại tình dục trẻ em, trước tiên ta phải tôn trọng ý kiến của học sinh, không được phán xét khi các em đưa ra ý kiến của mình. Thay vào đó, ta ghi nhận ý kiến của các em rồi tìm ra phương pháp hiệu quả nhất để giúp các em hiểu được vấn đề mình còn hiểu sai lầm và đang mắc phải.

*** Vai trò tham vấn tâm lý:**

Tham vấn là một quá trình trợ giúp tâm lý con người, trong đó nhà tham vấn sử dụng những kiến thức, những kỹ năng chuyên môn và thái độ nghề nghiệp để có thể thiết lập được các mối quan hệ hỗ trợ tích cực với thân chủ của mình. Nhằm giúp thân chủ có thể nhận thức được hoàn cảnh của vấn đề có thể thay đổi tích cực về mặt cảm xúc, suy nghĩ, hành động, tìm các giải pháp phù hợp nhất để giải quyết các vấn đề của chính mình.

Tham vấn tâm lý có một vai trò quan trọng trong việc nâng cao nhận thức và kỹ năng của trẻ về phòng chống xâm hại tình dục trẻ em.

Trước tiên, tại trường học, cần mở “Phòng tham vấn” với mục đích là hỗ trợ tâm lý cho học sinh, tất cả các em đều có thể vào đây để nhận được sự trợ giúp. Nhân viên công tác xã hội cần phải có thái độ niềm nở, vui vẻ khi đón nhận các em. Có thể thực hiện tham vấn cá nhân hoặc tham vấn nhóm. Việc đầu tiên của tham vấn đó là tạo mối quan hệ với học sinh, tìm hiểu các vấn đề mà học sinh đang gặp phải.

Nếu học sinh chưa có đầy đủ kỹ năng về xâm hại tình dục:

Tìm hiểu nguyên nhân dẫn đến việc nhận thức và kỹ năng về phòng chống xâm hại tình dục của học sinh còn kém.

Tìm hiểu nguyện vọng của học sinh trong việc nâng cao nhận thức và kỹ năng phòng chống xâm hại tình dục.

Cung cấp cho trẻ các kiến thức và kỹ năng phòng chống xâm hại tình dục thông qua các buổi nói chuyện.

Nếu học sinh bị xâm hại tình dục:

Việc đầu tiên phải hỗ trợ về tâm lý giúp học trẻ, bảo vệ học sinh để những hành động xâm hại tình dục đối với các em không còn tái diễn, tránh được các hành động có thể gây hại cho bản thân họ: Hành hạ thể xác, tự tử...

Hướng dẫn cho học sinh các biện pháp để giải quyết họ: Báo cho gia đình, báo cho các cơ quan chức năng...

Đưa ra đường dây nóng để học sinh có thể nhận được hỗ trợ về nhiều mặt.

Hỗ trợ học sinh bằng cách kết nối trẻ với các nguồn lực: Cơ quan, tổ chức....

Khi đóng vai trò là nhà tham vấn, nhân viên công tác xã hội phải tuân thủ những nguyên tắc đạo đức trong tham vấn họ: Nguyên tắc tôn trọng, chấp nhận thân chủ; Nguyên tắc dành quyền tự quyết cho thân chủ; Nguyên tắc không lên án, phê phán thân chủ; Nguyên tắc đảm bảo tính bí mật thông tin của thân chủ.



KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

KẾT LUẬN

Qua quá trình thực hiện khảo sát về vấn đề phòng chống xâm hại tình dục trẻ em của học sinh Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Đức Xuân, tôi xin đưa ra một số kết luận như sau:

Đa phần học sinh đều đã có những nhận thức về xâm hại tình dục trẻ em, tuy nhiên ở những nội dung khác nhau, học sinh có những nhận thức đúng sai khác nhau.

Về các hành vi xâm hại tình dục trẻ em: Gần như tất cả các bạn học sinh đều đã hiểu được thế nào những hành vi xâm hại tình dục trẻ em, tuy nhiên vẫn có một số bạn vẫn chưa hiểu được hoàn toàn, các bạn chỉ đưa ra được một số hành vi.

Tất cả học sinh đã hiểu được thế nào là các bộ phận riêng tư trên cơ thể tuy nhiên lại chưa hiểu được toàn diện, thể hiện ở việc vẫn rất nhiều học sinh chưa biết được hết toàn bộ các bộ phận riêng tư, số em trả lời đúng và đầy đủ chiếm tỉ lệ không cao.

Chỉ có một số ít học sinh biết được đúng và đủ các lứa tuổi có thể trở thành nạn nhân của xâm hại tình dục trẻ em, còn đa phần học sinh vẫn có những suy nghĩ sai lầm.

Về những đối tượng có thể thực hiện các hành vi xâm hại tình dục với các em, đa số học sinh còn những suy nghĩ chưa đúng, như vậy sẽ khiến cho học sinh có tâm lý chủ quan, không đề phòng, dẫn đến việc các em dễ có khả năng bị người khác lợi dụng và thực hiện các hành vi xâm hại tình dục đối với mình.

Đa phần các bạn chỉ nghĩ rằng con gái là đối tượng của xâm hại tình dục trẻ em, còn con trai thì không.

Nguyên nhân dẫn đến những nhận thức như vậy là do các phía các nhau: Bản thân học sinh, gia đình, nhà trường, các cơ quan chức năng, cơ quan liên quan...

Cần có sự quan tâm, sự hành động của nhiều phía khác nhau với mục đích

là làm tăng nhận thức cho các học sinh về vấn đề xâm hại tình dục trẻ em nhiều hơn. Khi học sinh hiểu chưa đúng hoặc chưa đủ, học sinh rất dễ để trở thành nạn nhân của xâm hại tình dục trẻ em.

Gần như tất cả học sinh đều đã biết được các kỹ năng để tự bảo vệ bản thân tránh được các hành vi xâm hại hoặc có thể xâm hại đến bản thân: Thể hiện thông qua bảng khảo sát và phỏng vấn sâu:

Khi bị người khác động chạm đến các bộ phận riêng tư trên cơ thể học sinh đều đã có những hành động đúng đắn, và không chọn việc im lặng.

Khi người lạ muốn đưa về nhà: Học sinh đều chọn cách là không về cùng hoặc là gọi điện cho người lớn, hành động như vậy sẽ giúp các em có thể tránh được việc bị người lạ xâm hại tình dục hoặc buôn bán trẻ em, bắt cóc.

Tất cả học sinh cho rằng: Không cho người khác chụp lại các bộ phận riêng tư trên cơ thể, Suy nghĩ như vậy sẽ giúp các em tránh được việc bị người khác xâm hại tình dục, cũng có thể là các đối tượng đưa các bức ảnh lên các trang mạng xã hội,...

Khi được hỏi là: “Em có động vào các bộ phận riêng tư của người khác không?”, thì 100% học sinh trả lời là không, các em sẽ không thực hiện những hành vi xâm hại tình dục với các bạn khác.

Học sinh đã có những kỹ năng về xâm hại tình dục trẻ em, nhờ các nguyên nhân: Đã nhận thức được các hành vi nguy hiểm với mình, các em không để yên hoặc không làm theo. Gia đình đã có sự quan tâm, hướng dẫn cho con em mình những kỹ năng cơ bản để tự bảo vệ mình.

KHUYẾN NGHỊ

Sau khi tìm hiểu được thực trạng và nhận thức của các bạn học sinh trường Tiểu học và Trung học cơ sở Đức Xuân về vấn đề xâm hại tình dục trẻ em, và nguyên nhân dẫn đến những nhận thức và kỹ năng đó, tôi xin đưa ra một số khuyến nghị sau:

Đối với từng học sinh

Các bạn học sinh là những người chịu hậu quả nặng nề nhất đối bởi các hành vi xâm hại tình dục trẻ em từ tâm lý, đến sức khỏe, và có thể ảnh hưởng một cách lâu dài. Chính vì vậy mỗi cá nhân học sinh cần có sự quan tâm hơn về vấn đề xâm hại tình dục trẻ em, tự trang bị cho mình những kiến thức và kỹ năng để tự bảo vệ mình.

Đối với cha mẹ học sinh

Để con em mình có thể có những kiến thức và kỹ năng đầy đủ về xâm hại tình dục trẻ em, thì các bậc cha mẹ cũng cần phải có những kiến thức đó.

Cha mẹ có vai trò giáo dục, chia sẻ với con cái, tránh thái độ e dè, ngại ngùng, né tránh hoặc chửi mắng khi chia sẻ kiến thức và kỹ năng. Hướng dẫn cho con tìm hiểu những kiến thức thông qua việc đưa cho các con xem các bài báo, các video hướng dẫn trẻ về vấn đề xâm hại tình dục, thường xuyên lắng nghe những chia sẻ của con để nắm bắt được tâm tọng, nguyện vọng của con. Đồng thời, cha mẹ cần cổ vũ, động viên.

Đối với nhà trường

Ban giám hiệu nhà trường cần quan tâm hơn nữa đến các vấn đề xã hội trong đó vấn đề có xâm hại tình dục trẻ em, thay cho việc chỉ tích cực giảng dạy các kiến thức trong sách vở.

Cần có cơ chế, chính sách hỗ trợ kinh phí hoạt động, cơ sở vật chất cho các hoạt động giáo dục về phòng chống xâm hại tình dục trẻ em.

Nhà trường cần có chương trình phối hợp với các tổ chức, đoàn thể tại địa phương (giáo viên giảng dạy về kỹ năng sống, công an, bác sĩ...) để tổ chức các hoạt động tuyên truyền về phòng chống xâm hại tình dục trẻ em.

Cần thành lập thêm phòng công tác xã hội tại nhà trường, đây là việc rất quan trọng và cần thiết: Phòng công tác xã hội là nơi mà học sinh có thể tìm kiếm sự trợ giúp về các mặt, học sinh có thể đến gặp nhân viên công tác xã hội để được bày tỏ, suy nghĩ hoặc những vấn đề mình đang gặp phải mà không phải lo là sẽ bị chửi mắng, chê bai.

Phòng công tác xã hội cũng là nơi mang những kiến thức bên ngoài xã hội như: Bạo lực học đường, giáo dục giới tính, phòng chống tự tử, tình yêu học đường, áp lực học tập, xâm hại tình dục trẻ em...

Đối với đội ngũ giáo viên, chuyên viên, cán bộ phụ trách công tác phòng chống xâm hại tình dục trẻ em.

Đội ngũ giáo viên, chuyên viên, cán bộ phụ trách về việc cần thường xuyên trau dồi kiến thức, kỹ năng về phòng chống xâm hại tình dục cho học sinh. Đồng thời, không ngừng tu dưỡng đạo đức và giữ gìn nhiệt huyết, sự tận tâm trong công việc để công việc đạt được hiệu quả.

Đối với chính quyền địa phương, các tổ chức đoàn thể.

Phối hợp với Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Đức Xuân để tổ chức các buổi học với chủ đề là phòng chống xâm hại tình dục trẻ em.

Trạm y tế, cán bộ y tế, công an chia sẻ kiến thức và về vai trò của phòng chống xâm hại tình dục đối với học sinh cho các bậc phụ huynh, giáo viên hiểu một cách đầy đủ, để từ đó các bậc phụ huynh và giáo viên sẽ chia sẻ lại với con cái. Từ đó sẽ nâng cao được nhận thức và kỹ năng của con em mình.



TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Báo An ninh thủ đô, số ra ngày 22/12/2018, Bá Hoàng tổng hợp:
<https://anninhthudo.vn/doi-song/lam-the-nao-de-biet-con-minh-da-bi-xa-m-hai-tinh-duc/793957.antd>
2. Công ước về Quyền trẻ em (CRC)
3. Hoàng Phê (2003), Từ điển tiếng Việt, Nxb Đà Nẵng, tr. 783).
4. Giáo trình Nhập môn công tác xã hội tác giả Bùi Thị Xuân Mai
5. Giáo trình lý thuyết công tác xã hội, Trường Đại học Lao động Xã Hội Theo Ts. Nguyễn Trung Hải, (tr.41- 45)
6. Liên hiệp Công tác xã hội thế giới (NASW)(tr.38)
7. Luật trẻ em 2016:
<https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-duc/Luat-tre-em-2016-303313.aspx>
8. Luật hình sự năm 2015
<https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/Luat-sua-doi-Bo-luat-Hinh-su-2017-354053.aspx>
9. Từ điển Bách khoa ngành công tác xã hội (1995) (tr.42)
10. Trang thông tin điện tử, Ủy ban nhân dân huyện thạch an
<http://thachan.caobang.gov.vn/Default.aspx?name=thachan&sid=1351&pageid=34111>
11. Tài liệu: Thông tin cơ bản về Trường tiểu học và Trung học cơ sở Đức Xuân.

12. Tạp chí lao động và xã hội:
laodongxahoi.net/phong-chong-xam-hai-tinh-duc-tre-em-hanh-dong-ngay-hom-nay-1309786.html
13. Wikipedia: https://vi.wikipedia.org/wiki/Th%E1%BA%A1ch_An

BẢNG HỎI VỀ NHẬN THỨC VÀ KỸ NĂNG PHÒNG CHỐNG XÂM HẠI TÌNH DỤC TRẺ EM

(Các thông tin thu thập được đều để phục vụ cho mục đích nghiên cứu và hoàn toàn không có mục đích khác. Các thông tin sẽ được khuyết danh và mã hóa, nên rất mong nhận được những ý kiến của các em.)

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Giới Tính:

A. Nam

B. Nữ

2. Năm sinh:.....

3. Lớp:.....

B. NỘI DUNG CHÍNH

(Các em có thể khoanh nhiều đáp án trong một câu hỏi)

I. NHẬN THỨC

4. Em đã bao giờ nghe đến xâm hại tình dục trẻ em chưa?

A. Rồi

B. Chưa

5. Em nghe thông tin đó từ đâu?

A. Trên Ti Vi

B. Trên sách báo

C. Trên mạng Internet

D. Từ nguồn khác:.....

6. Em có biết các vụ việc nào liên quan đến xâm hại tình dục trẻ em không?

A. Có

B. Không

7. Tại địa phương em đã có vụ việc xâm hại tình dục trẻ em nào xảy ra chưa?

A. Có rồi

B. Chưa có

7.1. Nếu có thì hãy kể lại sự việc:

.....

.....

8. Em có thường xuyên quan tâm đến vấn đề xâm hại tình dục trẻ em không?

- A. Có
- B. Không

9. Theo em, Đây là bộ phận riêng tọt trên cơ thể?

- A. Đầu
- B. Ngực
- C. Mông
- D. Chân, tay
- E. Bộ phận sinh dục của nam và nữ
- F. Hậu môn

10. Theo em, những hành vi nào được xem là hành vi xâm hại tình dục trẻ em?

- A. Đánh đập, dọa nạt, bắt trẻ em phải quan hệ tình dục với mình.
- B. Đưa bộ phận sinh dục nam hoặc các bộ phận khác như ngón tay, lưỡi vào miệng, hậu môn, hoặc vào bộ phận sinh dục của người khác.
- C. Lợi dụng vào việc người khác đang rơi vào hoàn cảnh khó khăn để thực hiện hành vi hiếp dâm.
- D. Dụ dỗ, lôi kéo trẻ em vào hoạt động mại dâm
- E. Dùng tay hoặc bộ phận sinh dục động chạm đến bộ phận riêng tọt của người khác

F. Mắng chửi các em

G. Nói những câu yêu thương với các em

H. Khác

11. Trẻ trong độ tuổi nào có thể bị xâm hại tình dục?

A. Dưới 5 tuổi

B. Từ 5- 10 tuổi

C. Từ 10 đến 16 tuổi

12. Hành vi xâm hại tình dục trẻ em có thể diễn ra ở đâu?

A. Tại nhà

B. Tại Trường học

C. Khác

13. Theo em đối tượng bị xâm hại tình dục trẻ em có thể là?

A. Con trai

B. Con gái

14. Theo em, những người nào có thể thực hiện hành vi xâm hại tình dục trẻ em?

A. Những người lạ, không quen biết

B. Hàng xóm, bạn bè, đồng nghiệp bố mẹ

C. Thầy cô

D. Hộ hàng (cô gì chú bác....)

E. Ông bà, bố mẹ

15. Theo em, xâm hại tình dục trẻ em ảnh hưởng đến những ai?

A. Người bị xâm hại (trẻ em)

B. Gia đình người bị xâm hại

C. Người xâm hại

D. Gia đình người xâm hại

E. Xã hội

F. Người khác (Nếu có):.....

16. Theo em, xâm hại tình dục trẻ em ảnh hưởng đến những vấn đề gì đến người bị xâm hại(trẻ em)?

A. Ảnh hưởng đến tâm lý

B. Ảnh hưởng đến sức khỏe

C. Ảnh hưởng đến vấn đề khác:.....

16.1. Nếu ảnh hưởng về tâm lý, thì ảnh hưởng sẽ thể hiện như thế nào?

.....
.....
16.2. Nếu ảnh hưởng về sức khỏe thì ảnh hưởng sẽ biểu hiện như thế nào

.....
.....

17. Gia đình các em có thường xuyên chia sẻ với em các kiến thức về xâm hại tình dục hay không? (nếu có thì trả lời câu 14 và 15)

- A. Có
- B. Không

18. Ai là người chia sẻ?

- A. Bố
- B. Mẹ
- C. Anh
- D. Chị

Khác:.....

19. Chia sẻ về vấn đề gì nhiều?

- A. Kể cho các em nghe các vụ án về xâm hại tình dục
- B. Dạy cho e biết các kiến thức về xâm hại tình dục trẻ em Khác

20. Tại trường em học có thường xuyên có các buổi ngoại khóa không?

- A. Có
- B. Không

21. Những buổi ngoại khóa đấy thường có chủ đề gì

.....
.....

**22. Đã có buổi ngoại khóa nào nói đến chủ đề xâm hại tình dục trẻ em
chợa A. Có**

B. Chưa

23. Nếu chưa thì em có muốn nhà trường có các buổi ngoại khóa liên quan đến xâm hại tình dục trẻ em không?

A. Muốn

B. Không muốn

24. Có môn học nào ở nhà trường có nội dung đề cập đến xâm hại tình dục trẻ em không?

A. Có

B. Không

25. Nếu có thì đó là môn học nào?

.....
.....

26. Có thầy cô nào hướng dẫn các em về xâm hại tình dục không? A. Có

B. Không

II. KỸ NĂNG

27. Em đã bao giờ nghe đến “Kỹ năng” chưa?

A. Nghe rồi

B. Chưa nghe

28. Em hiểu thế nào là kỹ năng?

.....
.....

29. Đã từng có ai hướng dẫn em về các kỹ năng phòng chống xâm hại tình dục chưa?

A. Có

B. Chưa

30. Nếu có thì người đấy là ai? A. Bố, mẹ

B. Anh chị

C. Thầy cô giáo

D. Bạn bè

E. Khác:.....

31. Em đã từng học lớp nào về phòng chống xâm hại tình dục chưa?

A. Rồi

B. Chưa

32. Em có nhu cầu học những lớp đấy không?

A. Có

B. Không

33. Để có được những kỹ năng tự bảo vệ bản thân phòng chống xâm hại tình dục trẻ em, em muốn?

A. Có giáo viên giảng dạy về các kỹ năng phòng chống xâm hại tình dục trẻ em

B. Được bố mẹ quan tâm và chia sẻ hơn về kỹ năng phòng chống xâm hại tình dục trẻ em

C. Được bố mẹ tạo điều kiện tham gia các lớp học võ thuật, tự vệ.

D. Các mong muốn khác(Nếu có):.....

34. Khi bị người khác đụng chạm vào những bộ phận nhạy cảm, em sẽ làm gì?

A. La hét

B. Im lặng

C. Chạy đi báo cho người

lớn D. Khóc

35. Em có cho người khác chụp ảnh lại chỗ riêng tư của mình không?

A. Có

B. Không

36. **Nếu được người lạ rủ về nhà, em sẽ?** A. Về nhà cùng

B. Không về cùng

C. Gọi điện thoại hỏi bố mẹ

D. Khác:.....

Xin chân thành cảm ơn !

MẪU PHÒNG VẤN SÂU

Thông tin chung

- Họ và tên người được phỏng vấn:

- Ngày, giờ:

- Địa điểm:

Nội dung phỏng vấn sâu:

1. Xin em hãy cho biết một số thông tin cá nhân của bản thân (Họ tên, tuổi, lớp...?)
2. Theo em những hành vi nào được xem là xâm hại tình dục trẻ em?
3. Theo em, đâu là bộ phận riêng tư trên cơ thể?
4. Trẻ em trong độ tuổi nào có thể bị xâm hại tình dục?
5. Em nghĩ những đối tượng nào có thể bị xâm hại tình dục trẻ em?
6. Em nghĩ ai có thể thực hiện những hành vi xâm hại với mình?
7. Tại sao em lại nghĩ rằng chỉ có bộ phận sinh dục nam và nữ mới là bộ phận riêng tư trên cơ thể?
8. Thầy cô giáo ở trường em có ai dạy cho em những kiến thức về xâm hại tình dục trẻ em không?
9. Khi bị người khác động chạm vào bộ phận riêng tư thì em sẽ làm gì?
10. Nếu người lạ rủ về nhà họ chơi thì em sẽ làm gì?
11. Các em có được phép động vào bộ phận riêng tư của người khác không?



Ảnh 1. Ngoại khóa về chủ đề 3 văn kiện pháp lý tại trường



Ảnh 2. Hội diễn văn nghệ ngày nhà giáo Việt Nam



Ảnh 3: Giao lưu văn nghệ trung thu tại trường

